

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN HÀ NAM

Hà Nam

Di tích và Danh thắng

HÀ NAM, 2003

LỜI GIỚI THIỆU

Trong diễn trình lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân Hà Nam đã sáng tạo nên kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú, đa dạng. Trong đó các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và những cổ vật tiêu biểu giữ một vị trí quan trọng.

Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay ở Hà Nam có trên 1.300 di tích, gồm đủ các loại hình, nhiều di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia.

Di tích hội tụ nhiều giá trị: lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, văn hóa dân gian..., có vai trò to lớn trong việc giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng, nhất là đối với thế hệ trẻ, là nguồn chứng cứ đáng tin cậy trong việc nghiên cứu, tìm hiểu mảnh đất, con người Hà Nam; đồng thời là tài nguyên du lịch dồi dào, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh và của từng địa phương.

Các loại hình di tích trên đất Hà Nam được giới thiệu trong cuốn sách này bao gồm:

Di tích khảo cổ là những địa điểm, di chỉ cư trú, mộ táng, các hang động của người nguyên thủy thời tiền sử thuộc các thời đại đồ đá cũ, đồ đá giữa, đồ đá mới, đồ đồng vào thời kỳ xã hội loài người chưa có văn tự.

Các di tích khảo cổ phần lớn nằm trong lòng đất, nhưng cũng có khi tồn tại trên mặt đất như các hang động, nơi thờ cúng của người nguyên thủy. Ở Hà Nam di tích khảo cổ phát hiện được chưa nhiều, chủ yếu là mộ táng.

Di tích lịch sử - văn hóa, lịch sử cách mạng, kháng chiến ghi dấu về những sự kiện lịch sử tiêu biểu và danh nhân lịch sử, văn hóa, phản ánh quá trình đấu tranh kiên cường chống ngoại xâm và lao động sáng tạo của các thế hệ con người Hà Nam.

Cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Hà Nam từ bao đời đã có truyền thống thờ cúng tổ tiên và tôn vinh các bậc anh hùng, các vị có công đối với dân, với nước, với quê hương, các vị tổ nghề. Theo quan niệm của dân tộc ta, các vị đó đều được tôn làm thành hoàng và thờ cúng với các nghi lễ trọng thể.

Di tích kiến trúc nghệ thuật phản ánh óc thẩm mỹ và tài năng sáng tạo của các thế hệ nghệ nhân dân gian trong lịch sử, mang phong cách tiêu biểu của từng thời đại. Tại các di tích này còn lưu giữ được nhiều mảng chạm khắc đẹp, đồ thờ tự quý và các cấu kiện kiến trúc đậm đà phong cách dân tộc.

Danh lam thắng cảnh là những khu vực thiên nhiên có cảnh đẹp hoặc có thêm những công trình kiến trúc nổi tiếng. Du khách đến các danh lam thắng cảnh là được chiêm ngưỡng cảnh quan tươi đẹp giàu giá trị thẩm mỹ do thiên tạo; đồng thời còn được thăm thú những đền, chùa mang giá trị nhân văn và cũng ghi dấu nhiều giá trị lịch sử, văn hóa.

Các bậc tiền nhân đã hưng công tạo dựng nên di tích, tạc tượng, đúc chuông, làm hoành phi, câu đối... rồi tôn tạo hồ nước, trồng cây lưu niệm lấy bóng mát, cây ăn quả, đặc biệt là các loài cây biểu tượng của tín ngưỡng, mở đường đi lối lại... làm cho di tích thêm tôn nghiêm, cổ kính, môi trường cảnh quan thêm đẹp đẽ, gần gũi hữu ích với con người. Đó là cách làm để di tích không bao giờ già cỗi, luôn sống cùng thời đại, góp phần cho cộng đồng làng quê thêm sức sống trường tồn.

Các di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Hà Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm vào mùa hè, lạnh giá vào mùa đông, với kiến trúc dân tộc cong, thấp, mềm mại, ẩn hiện với dưới bóng đa, “bóng tre trùm mát rượi” thực sự đã tạo thành một vùng tiểu khí hậu, tiểu môi trường hợp lý, chứa đựng những giá trị chân, thiện, mỹ sâu sắc.

Các giá trị cao quý, giàu bản sắc văn hóa dân tộc ấy đã hướng con người tới những khát vọng cuộc sống “nhân khang, vật thịnh”, “quốc thái, dân an”, mong cho mọi người, mọi nhà hòa thuận, trên kính dưới nhường, trong ấm ngoài êm.

Cuốn sách này là công trình khoa học công nghệ cấp tỉnh năm 2002 đã được nghiệm thu, đạt loại xuất sắc. Chúng tôi biên soạn lại và xuất bản. Dù đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong độc giả góp ý để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

BAN BIÊN TẬP

DI TÍCH
KHẢO CỔ HỌC

Đến nay các di tích khảo cổ học trên vùng đất Hà Nam phát hiện được chưa nhiều. Điều này do hai lý do:

- Về điều kiện tự nhiên: Hà Nam nằm trong miền vũng Hà Nội, trừ các giải núi Caxto (đá vôi) thuộc 2 huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, thời tiền sử đa số đất đai nằm sâu dưới nước. Khoảng một vạn đến năm nghìn năm trước đây sau đợt biển lùi, phần lớn vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng mới được hình thành.

- Về công tác thám sát, thăm dò khảo cổ học:

Suốt trong một thời gian dài, công tác điều tra, thám sát, đặc biệt là khai quật khảo cổ học trên địa bàn tỉnh Hà Nam chưa được quan tâm đầy đủ.

Vì vậy trong phần này chỉ mới giới thiệu chủ yếu các di tích mộ cổ (một loại hình di tích khảo cổ học) đã phát hiện được, đồng thời giới thiệu một số phát hiện khác.

Thứ tự sắp xếp theo niên đại sớm muộn. Có thể khẳng định đây là tài liệu khảo cổ học có giá trị nhiều mặt, giúp chúng ta phác họa về hoàn cảnh kinh tế xã hội của những người cổ có mặt trên đất Hà Nam vào những thế kỷ trước và đầu Công nguyên.

MỘ CỔ Ở LẠT SƠN

Tháng 4 năm 1977, đoàn cán bộ khảo cổ được nhân dân thôn Lạt Sơn (xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng) cho biết: có một ngôi mộ cổ nằm giữa lòng sông Bùi⁽¹⁾, trước đó 3 năm khi nạo vét lòng sông, quan tài lộ ra, nên nắp đã bị mất, lòng áo quan chứa đầy bùn. Một nửa quan tài chìm dưới nước, một nửa thân quan tài còn lại nổi lên trên.

Quan tài khi được khai quật (cuối tháng 4 năm 1977) nằm theo hướng đông lệch 10° (gần nằm ngang sông), cách mộ Thịnh Châu (Châu Sơn) 1,5 km về phía tây.

Quan tài là một cây gỗ được khoét rỗng lòng, một đầu to một đầu nhỏ, vẫn giữ dáng vẻ tự nhiên của thân cây. Quan tài dài 2,97m, đầu to rộng 0.64m, đầu nhỏ rộng 0.55m (đo phía trên). Lòng quan tài dài 2.73m, đầu to rộng 0.57m, đầu nhỏ rộng 0.49m, lòng sâu 0.21m. Thành quan tài dài 3 cm. Hai đầu quan tài có hai lỗ thủng giống hình chữ nhật, kích thước xê dịch trong khoảng 7 – 8 x 6 cm mỗi chiều.

Tuy không còn nguyên vẹn, cũng có thể thấy quan tài gồm 2 nửa ghép lại. So với mộ Thịnh Châu (Châu Sơn), mộ Lạt Sơn chế tác đơn giản hơn, thô hơn, lại dài hơn.

Hiện trạng quan tài đã hư hỏng nhiều, dưới đáy bị thủng một mảng, mặt trong và ngoài đều gồ ghề nham nhở. Đặc biệt có một vài loại mọng cá kếp ở 4 góc quan tài. Gọi là mọng cá bởi thấy mỗi góc đều có 2 lỗ sâu xuống có hình thù tương tự nhau, nằm kề nhau, cách 2 đầu quan 16 cm, lỗ mọng này cách lỗ mọng kia 3 cm. Kích thước mỗi mọng (hình gần chữ nhật) 9 x 1 x 3 cm. Dưới đáy quan mỗi đầu có một con kê bằng gỗ, đường kính khoảng 8 cm.

Hiện vật trong quan tài gồm răng người, hiện vật bằng gỗ, đồng và gốm.... Đồ gỗ: Là một loại công cụ làm bằng gỗ nằm sát đáy quan có cán được đẽo tròn, nhọn, hơi dẹt về hai bên, đốc cán là một hình bầu dục hơi loe rộng để khi cầm tay khỏi tuột. Phía tra vào lưỡi được đẽo thành khối hình

⁽¹⁾ Sông Bùi con sông đào chạy dọc theo chân núi đá dẫn nước từ sông Đáy tưới cho cánh đồng toàn huyện Kim Bảng. Bình thường sông ít nước. Đoạn có ngôi mộ nước giữa sông đến đầu gối.

thoi, hai đầu vạt chéo... Trên khối này có một lỗ nhỏ xuyên suốt bên này sang bên kia để đóng đinh vào tảng sự vững chắc. Lỗ này có đường kính 4mm. Cán công cụ dài 16,5cm, rộng 2,5cm, dày 1,8. Riêng khối hình thoi có kích thước 3 x 1,8 x 1 cm. Lưỡi công cụ cũng làm bằng gỗ, phần trên được đẽo vuông, có lỗ mộng vừa khít với khối hình thoi ở cán. Nhìn từ trước ra sau, lỗ mộng được đục chéo từ dưới lên trên. Phần dưới của lưỡi mỏng, hình chữ nhật kéo dài đến rìa tác dụng. Rìa tác dụng có chiều rộng lớn nhất. Toàn bộ lưỡi dài 31 cm. Riêng phần trên kể từ mộng trở lên có kích thước 14 x 3 x 3 cm. Từ mộng trở xuống dài 17 cm, rộng (đo ở rìa tác dụng) 4,5 cm, dày (cũng ở rìa tác dụng) 0,5 cm.

Công cụ này có hình dáng giống như một chiếc cây chia vôi, mà bấp cày (tức tay cầm) lại ngắn hơn lưỡi và neo cây (tức phần trên mộng) thì vuông thành sắc cạnh.

Đồ đựng bằng đồng: Có hai mảnh đáy đồ đựng, dự đoán đáy của chiếc bát bằng đồng. Một mảnh đáy có đường kính 8 cm, màu xám bạc, không còn dính một tí nào của thân. Mảnh này không có dấu vết hoa văn. Mảnh đáy kia to hơn, dày hơn, màu xám bạc nhưng vỡ thành nhiều mảnh vụn. Một đôi quai bằng đồng, hình dáng giống quai thố nhưng nhỏ, đẹp hơn. Có lẽ là quai của đồ đựng trên.

Đồ gốm: Một bát gốm màu đỏ gạch, độ nung cao, mỏng dần từ đáy lên miệng. Bát đã bị mất mặt đáy và bị vỡ làm 3 mảnh. Qua quan sát thấy bát được chế tạo đáy riêng, sau mới gắn vào thân. Vì đáy đã mất, để lại dấu vết ở chỗ tiếp giáp rất bằng tựa như nhát cắt. Kích cỡ bát như bát ăn cơm ngày nay. Nhiều mảnh vỡ của loại gốm thô, dày, độ nung thấp nên gốm xốp, ruột gốm đen bên ngoài có màu nâu xám. Qua một số mảnh cổ và miệng có thể biết đây là một cái nôi bụng tròn phình to, cổ bóp lại, có loại miệng đứng, có loại hơi loe. Ba mảnh có hoa văn chải và kẻ ca rô, còn lại để trơn.

Xương: Có 5 cái răng nằm trong mộ, 4 răng hàm, một răng nanh, đều có màu đen, độ mòn lớn. Ngoài ra không còn thấy xương cốt nào khác.

Ngôi mộ Lạt Sơn nằm trong vùng có ngôi mộ Thịnh Châu, giống nhau ở điều kiện tự nhiên, địa lý. Song mộ Lạt Sơn đã bị phá nghiêm trọng. Xương cốt hầu như không còn nên không thể xác định được nhân chủng, tuổi tác của chủ nhân.

Quan tài Lạt Sơn có kỹ thuật chế tác đơn giản, mức độ gia công sơ sài. Theo như một số nhà nghiên cứu chia loại quan tài hình thuyền làm 2 loại căn cứ theo kích thước. Loại lớn dài từ 3 – 5 m (mộ Việt Khê, La Đồi, Nghĩa Vũ). Loại nhỏ dài từ 3m trở xuống (mộ Châu Can, Tam Đa, An Khê) thì mộ Lạt Sơn thuộc loại nhỏ. Về kiểu dáng, mộ Lạt Sơn giống mộ Châu Can, La Đồi và Nghĩa Vũ, tuy quan tài mộ La Đồi và Nghĩa Vũ có kích thước lớn hơn. Giữa chúng có điểm khác nhau : Mộ Châu Can có cọc đóng xung quanh, có lỗ xoắn dây ở hai đầu quan, mộ La Đồi thì hai đầu đẽo vát có hai tai, mộ Nghĩa Vũ hai đầu quan bịt ván, còn mộ Lạt Sơn không có cọc đóng xung quanh, không có lỗ xoắn dây, không có hai tai, không bịt ván hai đầu.

Mặt khác, mộ Lạt Sơn có con kê hai đầu, trong khi các mộ khác không có. Sự khác nhau đó chứng tỏ rằng các ngôi mộ này cơ bản có cùng niên đại, có thể sớm muộn chút ít.

Hiện vật trong mộ nghèo nàn, nhất là đồ đồng, nên không có mấy ý nghĩa để xem xét niên đại. Có giá trị chỉ định niên đại hơn là các hiện vật gốm cho thấy loại hình, chất liệu, hoa văn đều mang những nét đặc trưng của đồ gốm, bởi chúng thuộc giai đoạn Đông Sơn. Một số mảnh gốm hình dung cái vò trong mộ La Đồi.

Công cụ gỗ trong mộ Lạt Sơn giống hệt công cụ tìm thấy trong mộ Châu Can. Về chất liệu, kiểu dáng có khác chút ít, ở chỗ công cụ Châu Can to hơn, mặt lưỡi có một lỗ đục xuyên hình chữ nhật.

Tóm lại tạm xếp mộ Lạt Sơn có niên đại mộ Châu Can⁽¹⁾, La Đồi, Nghĩa Vũ muộn hơn mộ Việt Khê. So sánh với mộ Thịnh Châu thì mộ Lạt Sơn có niên đại sớm hơn trước lúc nhà Hán xâm lược nước ta, tức là cuối thế kỷ III đầu thế kỷ II trước Công nguyên.

⁽¹⁾ Mộ Châu Can khai quật năm 1974 có niên đại C14 là 2325 ± 60 năm cách ngày nay ($375 \pm$ trước công nguyên) khai quật năm 2000: 2220 ± 80 năm (tức 27 ± 80 trước công nguyên) theo hiệu chính Den dro.

KHU MỘ CỔ Ở YÊN TỪ

Tháng 11 năm 1979 những thông tin đầu tiên về một khu mộ táng cổ đã hé mở. Nhân dân thôn Yên Từ xã Mộc Bắc, Đô Quan xã Mộc Nam, Trì Xá xã Châu Giang huyện Duy Tiên cho biết trước đây đã phát hiện những cây gỗ lạ, những giát giường tre bó tròn, bên trong có xương, rìu đồng, giáo đồng, thạp đồng, khả năng có 10 ngôi (Yên Từ: 4, Đô Quan: 4, Trì Xá: 2)

Theo lời kể của nhân dân và khảo sát điền dã thì trên địa bàn huyện Duy Tiên, đặc biệt ven sông Hồng có tới hàng chục di tích mộ táng. Nhưng phản ánh khá tin cậy là ở Yên Từ (1980, 1986), Yên Bắc, Tiên Nội (1981), Đọi Sơn (1984). Nhiều di vật bằng đồng đã tìm được trong vùng. Tuy nhiên vì theo những lời miêu tả bằng trí nhớ và dự đoán nên những thông tin đa phần thiếu sự cụ thể chi tiết, trừ khu mộ táng Yên Từ có sự nghiên cứu tập trung hơn.

Tháng 1 năm 1980, trong khi đào đất đắp nền vườn, nhân dân thôn Yên Từ đã làm lộ ra quan tài của hai ngôi mộ cổ hình thuyền. Phần đầu của quan tài bị sập và đã bị cây phá. Sau đó, từ 20 - 23/01/1980, 2 ngôi mộ này đã được khai quật nghiên cứu.

Hai ngôi mộ nằm trong một cái ao thuộc thôn Yên Từ, cách sông Hồng 450m về phía Tây - Tây Nam, cách di tích chùa Đọi (xã Đọi Sơn - Duy Tiên) 11 km về phía Đông bắc, cách thị xã Phủ Lý 21 km cùng phía Đông bắc, và cách nơi phát hiện mộ thuyền Thịnh Châu hạ, xã Châu Sơn, Kim Bảng khoảng 22 km.

Ở ngôi mộ 1, quan tài nằm theo hướng Tây lệch Bắc 300, đáy quan tài cách mặt bùn ao 0,61m, tầng đất đen xám lẫn nhiều cành cây và sù vệt. Quan tài dài 2,00m, rộng 0,66m, làm bằng hai nửa thân cây khoét rỗng hình lòng máng úp khít lại với nhau. Nắp và thân được đóng khít bằng 4 cái chốt gỗ ở hai đầu qua: Mỗi đầu quan tài phần thân được chừa ra 30 cm làm vách ngăn.

Ngôi mộ 2 nằm trong ao, cách mộ 1 khoảng 30m về phía Tây. Quan tài nằm chính hướng Đông - Tây. Đáy quan tài cách mặt ao 0,51m. Quan tài dài 2,87m, rộng 0,57m, về cấu tạo tương tự quan tài 1.

Quan tài của 2 ngôi mộ này được chế tạo khá công phu, đẽo gọt khá kỹ càng, trong và ngoài quan tài khá nhẵn.

Ở ngôi mộ 1, hiện vật trong quan tài khá nghèo nàn, gồm: Một chiếc thạp đồng minh khí kích thước nhỏ, cao 0,29 cm, đường kính miệng 0,25cm. Phía ngoài thạp trang trí những đường chỉ đúc nổi, đường tròn tiếp tuyến tạo thành những băng chạy xung quanh thân. Một đoạn kiếm gỗ (?) dài 0,32 cm rộng 0,5 cm mũi sắc, thân nhẵn.

Trong mộ còn nhiều đoạn xương mủn nát lẫn trong chiếu cói. Đây là chiếu bọc quanh xác tử thi.

Tham gia vào việc bọc lót tử thi còn có các chiếu cói đan lóng đôi, kiểu vĩ bướm. Đó là những tư liệu quý để tìm hiểu nghề dệt cói cổ xưa.

Ở ngôi mộ 2, hiện vật trong quan tài cũng chỉ gồm: Một chiếc thạp đồng minh khí, cao 0,29 cm, đường kính miệng 0,26 cm, đường kính đáy 0,23 cm. Phía ngoài thạp được trang trí đường chỉ đúc nổi, bên trong là những đoạn thẳng song song theo chiều đứng. Trong thạp có vết vôi. Một giáo đồng dài 0,93 cm tiết diện cắt ngang phần lưỡi hình thoi dẹt, tiết diện họng tra cán hình tròn.

Xương cốt trong mộ hầu hết đã mủn nát. Sọ bị vỡ thành 3 mảnh, còn một hàm răng dưới, được nhuộm đen.

MỘ CỔ Ở THỊNH CHÂU HẠ

Tháng tư năm 1977, tại thôn Thịnh Châu Hạ, xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng (nay thuộc thị xã Phủ Lý), nhân dân khi tát nước chống hạn đã phát hiện thấy một ngôi mộ cổ. Ngôi mộ ngập sâu dưới nước. Theo nhân dân cho biết thì ngôi mộ đã bị cây phá, hiện vật bị xáo trộn và bị văng ra ngoài. Để cứu vãn tình hình đã tiến hành khai quân ngôi mộ từ 26 – 30 tháng 4 năm 1977.

Mộ nằm trên cánh đồng Trổ thuộc thôn Thịnh Châu Hạ, cạnh chân đê sông Bùi (con sông đào thông với sông Đáy), mặt đê là đường 21. Mộ cách sông Đáy về phía tây 500 m, cách chân núi đá vôi về phía bắc 100 m và cách thị xã Phủ Lý về phía tây bắc khoảng 4 km theo đường chim bay.

Năm 1972, nhân dân lấy đất đắp đường 21, đã tạo thành 1 cái thùng sâu 3m, dài 100 m, rộng 5m, thùng ngập đầy nước. Nơi chôn ngôi mộ là rìa cạnh của thùng, trước đó người ta vẫn lấy đó làm bậc lên xuống khi gánh đất đắp đường, vì đất ở đó cứng không lở. Mãi tới tháng 3 năm 1977 khi tát nước chống hạn, nước cạn, nhiều người xuống thùng mò cá mới phát hiện ra ngôi mộ này. Lúc đầu người ta lầm là một khúc gỗ, nên địa phương mới cử người ra do đạc và chuẩn bị kéo lên đưa về để xẻ. Trong lúc đo đạc người ta mới phát hiện không phải là cây gỗ mà có thể theo dự đoán của một số người là ngôi mộ chôn người hay đồ của. Do đó, ban đêm đã có một số người cạy mộ, vì tò mò hoặc tìm vàng. Việc làm đó đã làm cho ngôi mộ bị phá hoại nghiêm trọng.

Sau khi bơm cạn nước trong thùng, ngôi mộ lộ ra. Quan tài nằm ở độ sâu 2m so với mặt ruộng. Quan tài nằm theo hướng bắc lệch tây 80° . Tầng đất ở đây gồm 2 lớp: Lớp đất canh tác có màu nâu đen, dày khoảng 40 cm; lớp đất thứ 2 ở dưới là đất sét biển, màu vàng pha cát, dễ lở, dày khoảng 1,5cm. Quan tài nằm trong lớp đất này. Tấm nắp quan tài đã bị cạy bật ra, chỉ còn gác một đầu quan tài lên một góc quan tài phía bắc. Theo sự bố trí xương cốt trong quan tài, mặc dù đã bị xáo trộn, thấy đầu người chết ở hướng bắc, xương sọ, xương bả vai, xương sườn nằm rải rác ở phía bắc quan tài. Còn xương ống, xương đùi, xương bàn chân lại nằm ở hướng nam.

Quan tài là một cây gỗ tròn được xẻ ra thành 2 nửa bằng nhau, nửa trên làm nắp, nửa dưới làm thân để đặt người chết. Lòng quan tài cả nắp và thân được khoét vòm lòng máng. Hai nửa quan tài như hai thuyền độc mộc. Thân quan tài (nửa dưới) được viền xung quanh bởi một đường gờ nổi cao.

Toàn bộ lòng quan tài có màu đen sẫm, nhiều chỗ trên gờ cạnh bong ra từng mảng nhỏ dày khoảng 1mm, có thể đây là lớp sơn then? Hai đầu quan tài phía ngoài còn để lại nhiều vết đẽo chặt của công cụ. Lòng áo quan nói chung là bóng, đẹp, phẳng nhẵn, nhưng nhìn kỹ vẫn thấy những nhát rìu mờ nhạt còn lưu lại trên lớp gỗ.

Phía ngoài quan cũng được đẽo gọt khá công phu, không còn dấu vết vỏ gỗ. Bốn góc quan tài có bốn lỗ mộng hình chữ V xuyên suốt từ tấm thiên đến tấm địa.

Phải chăng đó là lỗ luồn dây để buộc hai nửa quan tài với nhau cho kín chắc. Để cho áo quan kín, còn có những mộng cắt khác nông chạy xung quanh nắp của hai nửa quan tài. Ngoài ra, để quan khỏi xô dịch trong khi chôn cất, người xưa còn tạo ra những mộng chốt tròn, đường kính 2 cm, xuyên suốt từ nắp xuống thân. Nhìn chung quan tài được chế tác tinh xảo, chứng tỏ nghề mộc khi đó đã phát triển khá cao.

Kích thước quan tài: dài 2,55m, đường kính 0,63m. Riêng tấm thân: lòng dài 2,11 m, rộng 0,52 m, sâu (đo một đầu) 0,22 m, đo ở giữa 0,18 m. Thành gờ hai đầu dày 0,11 m cách mỗi đầu quan tài 0,113 m. Gờ hai thành bên dày 0,22 cm, cao 0,02 m (2 cm) dài 2,11 m (chạy cùng chiều dài lòng).

Tấm nắp hầu như không khác tấm thân mấy. Chỉ có nét đáng lưu ý là nếu tấm thân được khoét nông hơn ở giữa hai đầu thì ở tấm nắp ngược lại: Hai đầu nông hơn ở giữa (đo một đầu là 0,17 m, giữa là 0,24 m)

Lỗ mộng có đường kính 2cm, chiều dài toàn bộ từ nắp xuống thân là 14 cm.

Vì bị xáo trộn nên xương cốt trong mộ không còn giữ nguyên như cũ, có xương đã văng ra bên ngoài quan lẫn trong đất. Tuy vậy hầu như toàn bộ xương còn giữ được nguyên vẹn không gãy nát. Xương đầu còn nguyên, rắng đủ 32 chiếc, xương sườn, các đốt xương sống, xương tứ chi, các đốt xương ngón tay, ngón chân còn tốt và đầy đủ.

Bộ xương đã được đưa về Viện Khảo cổ học Việt Nam để nghiên cứu, giám định, bước đầu cho biết người quá cố là một người đàn ông chừng 40 – 60 tuổi thuộc loại hình Nam Á.

Vì bị cây phá nên hiện vật trong mộ không còn nằm nguyên ở vị trí ban đầu. Nhiều hiện vật đã bị hư hỏng, có thể có hiện vật bị mất. Theo lời nhân dân kể lại, lúc mới mở ra, trong quan tài còn trông thấy rõ một người nằm ngửa, trên người được phủ một tấm chiếu từ cổ đến ngang bụng, một tấm cói phủ từ đùi xuống trùm kín chân. Bất chéo qua ngực là hai tấm vải. Khi khai quật những thứ này đã hư hại nặng.

Căn cứ vào những hiện vật còn lại chia thành các loại chất liệu sau:

Vải: đó là mảnh vải còn lại, mảnh to nhất bằng bàn tay có màu trắng xám, dệt thô, sợi to như sợi dệt bao tải ngày nay và đều mịn nát.

Đồ đan: Trên cùng phía bắc quan tài có một tấm tựa như tấm chiếu, đan bằng sợi cói hay mây gì đó. Tấm chiếu này còn ít sợi ngang đan vào một ít sợi dọc nổi lũng lờ trên mặt nước trong áo quan. Chiếu có màu trắng bạc, sợi dọc dài khoảng 1m, sợi ngang đứt nhiều nên không rõ độ dài. Bề ngang mỗi sợi đo được 4mm, dày 0,5mm. Về phía chân người chết có những mảnh cói đan to bằng bàn tay hoặc nhỏ hơn. Sợi cói nhỏ màu nâu xám và được tết thành tấm như bện dây thừng. Độ dày những mảnh cói này khoảng 1 cm. Cói mịn bỏ khi lấy lên tới ra từng sợi.

Hiện vật bằng tre: Trong quan tài có nhiều hiện vật bằng tre. Đó là những thanh tre dài, ngắn, to, nhỏ khác nhau, dao động trong khoảng từ 17 cm - 13 cm chiều dài, 1,3 cm - 2 cm rộng, đường kính khoảng 1 cm. Chúng được chẻ, chặt hai đầu và được vót nhọn.

Hiện vật bằng gỗ: Bên ngoài quan tài xung quanh và dưới đáy có một cây sù to bằng ngón chân, ngón tay, dài, ngắn khác nhau, dài nhất 17 cm, ngắn nhất 2 - 3 cm. Một số cành sù còn nguyên vỏ, đa số chỉ còn lõi. Tất cả đều có màu đen xám. Các đoạn cành cây này đều được cắm găm xung quanh đáy quan tài. Không thấy dấu vết lá cây.

Ở một góc đáy quan về phía bắc, có một đoạn gỗ tròn chẻ đôi, một đầu đẽo vát nhỏ và mỏng, một đầu chặt bằng. Chiều dài mảnh gỗ là 15 cm, nơi rộng (đầu chặt bằng) là 5,5 cm.

Trong quan có nhiều mảnh vỡ của đồ đựng thức ăn, đồ uống bằng gỗ, đáng tiếc là không còn hiện vật nào nguyên vẹn. Tuy nhiên căn cứ vào vết tích còn lại có thể chia làm hai loại: Loại to có thể là bát gỗ. Loại này chế tác đơn giản, đẽo gọt không công phu. Một mảnh còn lại cho biết hiện vật hình tròn nông; loại nhỏ là chén gỗ hai tai dùng để uống rượu. Chén có hình bầu dục, cao 15 cm, rộng 10 cm, dày 0,7 cm, loại này được chế tác công phu, hình dáng đẹp do được bao phủ lớp sen đen.

Ngoài đồ đựng trong quan còn nhiều đồ gỗ khác. Một chiếc cán gỗ của một công cụ "tháp". Tuy lưỡi công cụ đã mất, nhưng phần tháp vào của cán được quấn bằng một sợi dây mây khá bền chắc. Cán này dài 25 cm, đẽo dẹt, đầu tay cầm to, bản rộng 2cm, đầu tra cán nhỏ hơn (rộng gần 1,7cm). Cán có chiều dày 0,4cm. Mấu đồng tháp vào cán dày 7 cm, dày 2 mm, rộng 1,5 cm.

Một cán gỗ khác hình tròn, đẽo bằng một mặt. Trên mặt bằng này, ở một đầu được khoét sâu xuống 0,2cm dài 7cm thành một hình thang mà đáy

HU - VIỆN
TỈNH HÀ NAM

ĐC. 120

dài là phía ngoài (gần 0,9cm), đáy ngắn về phía tay cầm (0,3cm). Tuy vậy lỗ khoét hình thang này ở đáy ngắn không tạo với hai cạnh bên thành những góc tù mà đáy ngắn được thay bằng đường vòng cung. Lấp vừa vặn với lỗ khoét là một mảnh gỗ khác tìm thấy trong mộ nhưng nằm riêng. Đoạn thứ hai dài 16 cm to bằng ngón tay út. Đây là cán của một công cụ làm đồ sơn vì những dấu vết sơn còn lại trên nó đã chứng minh rất rõ điều đó, kể cả những thanh tre đã kể ở trên tạo thành phức hợp của bộ dụng cụ làm đồ sơn. Bộ đồ sơn này rất giống bộ đồ nghề sơn ở mộ Đường Dù (Hải Phòng).

Hiện vật bằng đồng: Lưỡi giáo đã bị gãy mũi, họng tra cán hình tròn có đường kính đo theo chiều hẹp của lưỡi 2 cm, theo chiều sống nổi là 1,8cm (đo phía ngoài) dài đến ngang phần lưỡi. Ngay giữa lưỡi, cả hai bên có 2 đường gờ nổi chạy cùng chiều dài của lưỡi. Điều này chứng tỏ lưỡi giáo được đúc bằng khuôn hai mang. Hai bên sống lưỡi, chỗ tiếp giáp với họng tra cán có hai lỗ hình gần chữ nhật dài 0,9 cm, rộng 0,2cm. Phần còn lại chiều dài lưỡi đo được 25cm, chỗ rộng nhất 6cm. Rộng ngang nơi gãy 3,2cm. Trong họng giáo vẫn còn một đoạn gỗ dài bằng phần họng, dài 12cm. Mũi lao tìm thấy ở các vị trí khác nhau trong mộ. Về cơ bản 7 mũi lao có hình dáng và kích thước gần giống nhau, cùng có họng tra cán, có 2 lỗ gần hình chữ nhật ở lưỡi. Điểm khác nhau giữa chúng là họng tra cán có cái hình vuông, có cái hình thoi, có cái hình tròn dẹt. Về kích thước thì cũng hơi khác nhau. Cái lớn nhất dài 7 cm, nơi rộng nhất 2,3cm. Cái bé nhất dài 6cm, nơi rộng nhất 2,2cm. Tất cả các mũi giáo đều có màu xám nâu.

Rìu đồng: có lưỡi bằng đồng hình chữ nhật. Hai cạnh nơi tiếp giáp với rìu tác dụng hơi xòe ra hai bên, rất cân đối. Rìu tác dụng nằm cân đối giữa trục lưỡi. Họng tra cán có tiết diện hình chữ nhật. Lưỡi dài 5 cm, nơi rộng nhất (gần rìu tác dụng) 5 cm. Lưỡi bị rỉ, gồ ghề, lỗ chỗ. Đo trên họng tra cán dày 0,5cm. Đây là loại hình rìu trung gian giữa rìu tứ giác và rìu xòe cân. Cán rìu là trục cây hình mỏ. Một nhánh dùng làm tay cầm, nhánh còn lại tra vào họng (kiểu tra cán cuốc). Điều đáng lưu ý là nhánh trục tra vào lưỡi được tạo thành bởi hai nửa: Một nửa dính liền trục, một nửa tra vào lưỡi rồi tháp vào nhau và dùng dây buộc chặt lại. Cán rìu được đẽo gọt sơ sài, một phần được dùng làm tay cầm đẽo tròn đã bị gãy một đoạn, đoạn còn lại dài 18cm, hơi cong uốn xuống. Từ máu đến lưỡi dài 5 cm. Hình rìu kiểu này thường gặp trên các hình trang trí trên trống đồng Đông Sơn. Khó thấy giá trị sử dụng thực của rìu, nên có thể là đồ minh khí.

Chậu thau đồng: Chậu còn khá nguyên vẹn, nhưng bị vỡ rời làm mấy mảnh phần miệng. Lòng chậu loe dần từ đáy lên miệng. Thành miệng loe đứng. Chậu rất nông, có lẽ dùng để đựng thức ăn hơn là để đựng nước. Chậu cao 2,8 cm, đường kính miệng 29 cm, đường kính đáy 15 cm. Thành miệng chậu rộng 5 cm. Cả trong và ngoài chậu đều không được trang trí hoa văn. Chậu dày 2mm, màu bạc xám.

Thạp đồng: Gồm hai chiếc, tìm thấy trong quan tài lẫn lộn cùng với những hiện vật khác và xương cốt. Chiếc thứ nhất bị đập bẹp, bị rỉ xanh. Thạp cao 31,5cm, đường kính đáy 23,2cm, đường kính miệng 26,4cm chiều dày đo được 0,2cm. Kể từ trên xuống, cách miệng 4cm có hai đôi quai kép nằm đối diện nhau ở bên trên thạp. Đôi quai này tạo bởi hai thành đồng dày 0,3cm, uốn cong hình chữ U gần kề nhau, đối xứng nhau qua miệng.

Hoa văn: Trên thân thạp phía mặt ngoài được trang trí 3 tổ hợp hoa văn, bố cục thành 3 dải cách đều nhau chạy vòng quanh thân thạp. Kể từ miệng thạp lần lượt là:

Dải thứ nhất gồm 3 vành xít nhau. Trên cùng là 3 đường chỉ nổi; tiếp đến là vành hoa văn gồm những đoạn thẳng nổi song song theo chiều dọc của thố, đoạn nọ cách đoạn kia 1,5mm, dài 1,3 cm. Dưới vành này có 2 đường chỉ nổi cách nhau 2mm. Tiếp đến vành thứ 2 là những đường thẳng cắt chéo nhau tạo thành những hình thoi, chiều cao vành này là 2cm. Ngăn cách vành hoa văn 2 với vành hoa văn 3 là 2 vòng chỉ nổi. Vành hoa văn 3 giống vành hoa văn 1 đã miêu tả ở trên. Dưới cùng là 3 vòng chỉ nổi như 3 vòng trên cùng. Dải hoa văn thứ 2 cách miệng thạp 13,3cm, cách dải hoa văn thứ nhất 5,5cm gồm 3 vòng chỉ nổi trên cùng. Tiếp đến là vành hoa văn thứ nhất gồm những vòng tròn tiếp tuyến có chấm nổi ở giữa. Vành này ngăn cách với vành thứ 2 bằng 2 đường chỉ nổi song song. Vành thứ 2 là những đường thẳng cắt chéo nhau tạo thành những hình thoi. Vành hoa văn thứ 3 cũng giống vành hoa văn thứ nhất, và giữa vành 2 và 3 cũng ngăn cách bằng 2 đường chỉ nổi. Cuối cùng dải này cũng là 3 đường chỉ nổi song song. Dải hoa văn thứ 3 cách miệng thố 23,2 cm, cách dải thứ 2 là 5,5 cm, cách đáy thố 2,2cm. Tổ hợp, mô típ kích thước của dải này giống hệt dải hoa văn thứ nhất.

Chiếc thứ 2 nhỏ hơn chiếc thứ nhất cũng bị đập bẹp và trang trí hoa văn có nét khác. Thạp cao 24 cm, đường kính đáy 18 cm, đường kính miệng 22,3 cm chiều dày 0,2 cm. Cách miệng 1,8cm là 2 quai thạp được tạo bởi 2 thỏi đồng tròn dài 12 cm, bắt khum thành hình chữ U lộn ngược.

Thạp này gồm 3 dải hoa văn với 5 vành hoa văn. Tính từ miệng thạp đến đáy:

Dải thứ nhất lần lượt là 3 đường chỉ nổi cách nhau 3mm; vành hoa văn gồm đoạn thẳng nổi theo chiều đứng cách nhau 6 mm, mỗi đoạn dài 12 cm; vành thứ 2 gồm những đoạn thẳng song song cắt chéo nhau tạo thành những hình thoi (ô trám); 2 đường chỉ nổi; vành hoa văn thứ 3 giống hệt vành thứ nhất; 3 đường chỉ nổi. Dải hoa văn này cách miệng thố 8 cm.

Về bố cục, tổ hợp, mô típ dải hoa văn thứ nhất trên chiếc thạp thứ 2 giống dải hoa văn thứ nhất và thứ 3 của chiếc thạp thứ nhất.

Dải hoa văn thứ 2 và thứ 3 giống nhau về tổ hợp, bố cục mô típ. Dải thứ 2 cách miệng 16 cm, cách dải 1 là 7 cm. Ở mỗi dải gồm ở trên và dưới là 3 đường chỉ nổi, ở giữa là các đoạn thẳng nổi song song theo chiều đứng giống hệt vành hoa văn thứ nhất, thứ ba của dải 1.

Đồ trang sức: Trong mộ có 1 chiếc khuyên tai bằng đá (hay ngọc), đường kính 3,5 cm, dày 1 cm, đường kính lỗ 1,5 cm. Hai mặt của khuyên tai đều được mài vồng lên tạo cho khuyên tai có tiết diện hình lục giác. Khuyên tai được làm bằng một loại đá trắng suốt như thủy tinh. Nơi có độ vồng lớn nhất lại được mài bằng đi, rộng 0,6cm. Chỗ cắt ngang để luồn đeo vào tai rộng 2 mm.

Có một mảnh nhỏ màu đen pha cát thô, mặt ngoài có vân khắc vạch. Thật khó nói được điều gì cụ thể. Có thể là mảnh gốm từ đất bên ngoài rơi vào mộ.

Chủ nhân mộ Thịnh Châu Hạ là một người đàn ông chừng 40-60 tuổi. Những hiện vật tìm được chủ yếu là vật dùng của đàn ông. Chỉ duy nhất tìm được 1 chiếc khuyên tai. Quanh chiếc khuyên tai này có 2 dự đoán:

- Đó là đồ trang sức được làm bằng 1 loại ngọc trong suốt thường gặp trong các di tích văn hóa Đông Sơn.

- Đó là đồ trang sức được chế tạo từ thủy tinh, một sản phẩm văn hóa thuộc nền văn minh cao hơn.

Chức năng của vòng trang sức có thể nảy ra 2 giả thiết. Thứ nhất, đây là đích thực là đồ trang sức của phụ nữ mà chủ nhân ngôi mộ mang theo như một vật kỷ niệm. Thứ hai đây chính là vòng đeo tai của chủ nhân ngôi mộ.

Kết quả giám định cổ nhân học của Viện khảo cổ học đã kết luận chủ nhân ngôi mộ là người đàn ông.

Vị trí xã hội của người được chôn trong mộ chắc hẳn là một người giàu có đương thời, vì đồ tùy táng khá nhiều, gồm đồ đồng, đồ gỗ, đồ đan và đồ trang sức. Nhưng người đó là thợ thủ công hay quan lại người Việt thì thật khó xác định.

Chỉ có thể dựa vào cấu trúc quan tài cùng hiện vật chôn theo dùng phương pháp so sánh đối chiếu để rút ra một niên đại tương đối cho mộ Thịnh Châu Hạ.

Cấu trúc quan tài Thịnh Châu Hạ khá tinh vi. Qua kỹ thuật chế tác chứng tỏ quan tài này có nhiều nét tinh xảo hơn so với các quan tài mộ Việt Khê (Hải Phòng) và Châu Can (Phú Xuyên – Hà Tây). Tuy nhiên so với quan tài mộ An Khê (Thái Bình) và Tam Đa (Thái Bình) nó còn nhiều nét nguyên thủy hơn. Sự tiến bộ của quan tài mộ Thịnh Châu còn được thể hiện ở chỗ nó được phủ một lớp sơn đen khá dày. Lớp sơn vừa có mỹ thuật và kỹ thuật đảm bảo độ bền chắc cho quan tài.

Hiện vật trong mộ, đồ đồng là chủ yếu. Trong số đó, giáo chiếm 67%. Giáo và lao là hiện vật thường gặp nhất trong các di chỉ thuộc văn hóa Đông Sơn. Chiếc rìu đồng có cán là một cành cây hình mỏ đẽo gọt sơ sài cũng gặp nhiều trên các hình tượng trang trí của trống đồng Đông Sơn. Chiếc khuyên tai đá rất giống với khuyên tai tìm được trong các di tích thuộc văn hóa Đông Sơn.

Như vậy hiện vật trong mộ cổ Thịnh Châu Hạ đa phần mang phong cách kỹ thuật và nghệ thuật của đồ đồng thau Đông Sơn. Nhưng đó chỉ là thể hiện tính tiếp thu và kế thừa của giai đoạn sau đối với giai đoạn trước. Nó hoàn toàn không có ý nghĩa chỉ định niên đại. Bởi ở mộ còn có các yếu tố khá muộn màng.

Thạp đồng là di vật đặc trưng của văn hoá Đông Sơn. Song hoa văn trang trí trên nó đã đơn giản đi nhiều so với những hoa văn trên thạp ở Đông Sơn.

Những đồ đựng bằng gỗ mang sắc thái của văn hóa ngoại lai. Chúng có nhiều trong các mộ thời Đông Hán tìm thấy ở Việt Nam.

Bộ đồ gỗ trong mộ Thịnh Châu lại có nhiều nét tương đồng với bộ đồ gỗ trong mộ Đường Dù (Hải Phòng). Ngôi mộ này có niên đại tham khảo vào khoảng những thế kỷ đầu Công nguyên.

Di vật có ý nghĩa nhất để chỉ định niên đại mộ là chiếc chén gỗ 2 tai. Chén 2 tai ở Trung Quốc xuất hiện phổ biến thời Chiến Quốc. Song ở Việt Nam, loại này phổ biến trong các mộ Đông Hán – loại mộ gạch cuốn vòm cỡ lớn phân bố phổ biến ở miền Bắc Việt Nam ở thế kỷ đầu sau Công nguyên.

Từ những chứng cứ về cấu trúc quan tài và hiện vật đã phân tích trên đây, có thể xếp mộ Thịnh Châu Hạ vào niên đại thế kỷ I sau Công nguyên. Nó tương đương với mộ Đường Dù (Hải Phòng), Ngôi Hang (Hưng Yên).

MỘ THUYỀN Ở CHÂU SƠN

Nhân dân ở thôn Thịnh Châu cho biết vào năm 1978 trong khi nạo vét sông Bùi, đào đất đắp đường 21 đã tìm thấy 2 ngôi mộ quan tài hình thuyền: một nằm ở lòng sông và một nằm ở bờ đê. Ông Vũ Văn Ấn người trong thôn mô tả chiếc quan tài nằm giữa sông nhỏ hơn quan tài mộ Thịnh Châu một ít. Trong quan tài cũng khoét vòm lòng máng và không còn xương cốt. Ông thấy 1 cái bát to bằng đồng (cỡ bằng bát ô tô hiện nay) nhưng chỉ cao hơn cái đĩa một chút, khum khum, có đế. Quan tài này nằm theo hướng bắc cách mộ Thịnh Châu Hạ khoảng 30m.

Cách đó khoảng 15m về phía đông có rất nhiều mảnh vỏ hến, vỏ ốc rất to, một đồng tiền chữ Hán đã mờ không đọc được (tiền đã mất). Trong đồng vỏ ốc, hến dài 8m đó có cả xương thú rất to, lại có cả hòn đá mài nhẵn (?)

Anh Đăng là người trong thôn cho biết cùng thời gian trên, lúc làm đường 21 chạy dọc sông Bùi đã làm lộ 1 quan tài bằng cây gỗ khoét rỗng, cách mộ Thịnh Châu Hạ khoảng 50m. Cách ngôi mộ mà ông Ấn mô tả 20m về hướng tây. Trong quan tài còn xương.

Cả hai quan tài trên đã mất, một cái bị hỏng ngay lúc đó, một cái bị đường 21 lấp kín.

Diên dã dọc hai bờ sông Bùi đoạn có hai ngôi mộ, cán bộ khảo cổ tìm thấy rải rác nhiều mảnh gốm có hoa văn Caro, hoa văn chải, nan gốm và cả những mảnh không có hoa văn. Các mảnh gốm này làm bằng đất pha cát mịn, độ nung cao, có loại thành sành. Hầu hết những mảnh gốm có màu vàng thẫm, xám trắng hoặc nâu xám và dày. Đồ gốm có loại miệng đứng, quanh miệng có gờ, cổ thắt, bụng phình giống như loại nổi. Có loại miệng loe, cổ ngắn, bụng thon, thân dày giống như cái hũ.

Như vậy khu vực xã Châu Sơn này sơ bộ nhận định là khu cư trú và mộ táng của người xưa kéo dài từ thời Hùng Vương đến thời thuộc Hán.

KHU MỘ TÁNG CỔ Ở ĐỘI SƠN

Trong những năm đầu của thập kỷ 80, bà con xã viên thôn Đội Nhất, xã Đội Sơn (huyện Duy Tiên) đào đất vượt nền nhà đã phát hiện một khu mộ cổ. Các ngôi mộ nằm rải rác trên vùng đất trũng rộng khoảng 3000m², cách núi Đội không xa. Khi đào thấy mộ, nhân dân đã di chuyển xương cốt và hiện vật đến chôn lại trên một gò đất cách đó 100m.

Tháng 5/1984, Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Hà Nam Ninh đã phối hợp nghiên cứu khu mộ táng Đội Sơn.

Những ngôi mộ được phát hiện nằm khá tập trung ven Đầm Vực, khu ao Ấu và gò Con chó, dưới chân phía nam núi Đội, nằm sâu cách đáy ao từ 1,4 – 1,6m, cách mặt ruộng hiện tại từ 2,5m – 3m. Lớp đất chứa mộ là loại đất cát pha sét có màu xanh đen, lẫn nhiều rễ cây đã bị hóa than. Lớp đất giữa là sét mịn màu xanh xám, lẫn nhiều mảnh gạch ngói, mảnh gốm, sành trắng men với kiểu dáng và hoa văn đặc trưng của gốm sứ thời Đông Hán. Trên cùng là lớp bùn ao màu nâu đen, lẫn nhiều mảnh gốm sứ hiện đại.

Trong 11 ngôi mộ, phân thành các loại sau:

- Mộ quan tài hình thuyền có 3 ngôi là thây cây khoét rỗng, ký hiệu M7, M9 và M11, quan tài dài khoảng 2,5m, có đường kính thân cây 0,6m. Bên ngoài để nguyên không đẽo gọt. Bên trong khoét vòm lòng vằng. Tấm thiên cũng chế tạo như vậy, nhưng lòng sâu hơn. Thi hài đặt nằm giữa chân tay duỗi tự nhiên, đầu quay về núi Đội. Hiện vật tìm thấy ở khoảng giữa quan tài, ngang thắt lưng người chết.

- Mộ đất kê đá có hai ngôi, ký hiệu M6, M8. Cấu trúc mộ như sau: Thi thể đặt nằm giữa, đầu quay vào núi Đội, ở độ sâu khoảng 30 cm, lấp một lớp đất mỏng, xung quanh xếp đá hộc to nhỏ khác nhau theo hình tròn với đường kính khoảng 2m. Trong lòng mộ được đắp đất thành hình nón tròn, bên trên có nhiều mảnh gốm to hoa văn ô trám, ca rô nhỏ, văn chải, văn thùng và có cả mảnh ngói ống như đã tìm thấy ở Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội).

- Mộ có áo quan bằng nan tre gồm bốn ngôi ký hiệu M1, M2, M4 và M5 tạm gọi là mộ giát giường.

Cấu tạo mộ như sau: Nhiều thanh tre rộng khoảng 3cm vót trơn, dài khoảng 2m ken sát với nhau bằng lạt tre vắn xoắn cho dẻo. Lạt tre được ken tập trung ở hai đầu và ở giữa các thanh tre. Thi thể được bó gọn trong giát tre đó, hai đầu hơi bóp lại (như kiểu chết bó chiếu). Ở bên ngoài dùng 4 thanh tre to hơn, dày hơn buộc ép 4 phía như kiểu ép giò. Toàn bộ được đặt nằm ngửa trong đất, đầu quay vào núi. Có một mũi giáo chôn theo.

Mộ chưa xác định được cấu trúc gồm 2 mộ M3 và M10. Mộ số 3 chỉ có vài mảnh xương ống, vài mảnh sọ và một bát gỗ miệng hình bầu dục. Trong lòng bát chứa mũi lao bẹt, tiền bán lạng và những múi quả dưa dại.

Trong 11 ngôi mộ có 5 mộ chứa hiện vật: M1, M3, M7, M9 và M11. Tổng số hiện vật có 21 chiếc. Trong đó 2 rìu xéo và một số lao đã bị thất lạc.

Hiện vật đồ đồng gồm các loại sau: Giáo: 03 chiếc (M1, M7 và M11); rìu xéo: 03 chiếc (M7 và M9); mũi lao: 02 chiếc (M9 và M3); dao gặt (nhíp): 01 chiếc (M9); vòng đồng: 02 chiếc (M9); mũi nhọn 01 chiếc (M9); đỉnh đồng: 01 chiếc (M9 (?)); tiền bán lạng 04 đồng (M3, M9), hai múi quả dưa dại (M3), 01 bát gỗ (M3), 01 dọi xe chỉ bằng quả dại (M9).

Đặc biệt trong các hiện vật tìm được, đáng chú ý là chiếc “dao gặt” hay “nhíp gặt” trong ngôi mộ hình thuyền số 9. Hiện nay có hai mặt, một mặt để trơn, rìa lưỡi tác dụng hơi vát. Mặt kia chia làm 2 phần: Phần trên để trơn, thân có 2 lỗ thủng, phần dưới có nhiều đường gờ nổi song song chạy xiên góc theo hướng từ trái sang phải đến tận mũi nhọn của công cụ. Những gờ nổi này nếu nhìn từ mặt bên kia sẽ tạo thành những rìa lưỡi răng cưa rất sắc. Dao gặt dài 1,5 cm, rộng 2,7 cm, dày 1,9 cm. Rìa tác dụng không thẳng mà cong như 1/2 vành trăng khuyết, trông như lưỡi liềm cắt tủa lúa hiện đang phổ biến ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ thu nhỏ lại. Trên thân công cụ có hai lỗ nhỏ dọc theo thân, đường kính 0,8 cm, cách nhau 1,5cm.

Mặc dù kích thước nhỏ, nhưng rõ ràng đây là một công cụ gặt lúa mang tính chất thực dụng chứ không phải đồ minh khí.

Trong số ngôi mộ ở đây có 7 ngôi xương cốt còn có thể nghiên cứu được, trong đó 4 mộ, sọ và xương cốt còn tương đối nguyên vẹn. Trong khu mộ

táng tồn tại 3 loại hình: Mộ quan tài hình thuyền, mộ đất kê đá và mộ giát giường. Mộ thuyền và mộ kê đá phát hiện được ở nhiều nơi. Mộ giát giường là loại mộ mới phát hiện được còn ít. Mộ quan tài hình thuyền tập trung nhiều hiện vật nhất phải chăng là mộ của người giàu có. Còn mộ đất kê đá và mộ “giát giường” hiện vật chôn theo là của người nghèo thời ấy.

Còn độ tuổi, giới tính và nhân chủng chủ nhân khu mộ táng ở Đọi Sơn, theo nhà khảo cổ học Nguyễn Lâm Cường (Viện Khảo cổ học) như sau:

Dựa vào hình thái của xương sọ, hàm dưới và xương chi thì trong 7 cá thể có 4 là phụ nữ và 3 là nam giới.

Dựa vào đường tháp sọ và độ mòn của răng đã xác định độ tuổi của các di cốt này: Mộ 5 là nữ khoảng 15 – 17 tuổi; mộ 1 là nữ khoảng 35 – 40 tuổi, mộ 6 là nữ khoảng 40 – 50 tuổi; mộ 9 là nữ khoảng 20 tuổi; mộ 4 là nam khoảng 20 – 25 tuổi; mộ 7 là nam khoảng 35 tuổi; mộ 8 là nam khoảng 30 tuổi.

Về chủng tộc, sọ cổ trong mộ số 1 và số 7 có nhiều nét tương đồng với nhau và thuộc nhóm loại hình Indonesien, rất giống với các sọ cổ tìm thấy ở Châu Can, Xuân La. Indonesien là một nhóm loại hình thuộc ngành Mongoloid nhưng còn lưu lại nhiều đặc điểm Australoid. Sọ cổ trong mộ số 8 và mộ số 6 có nhiều nét tương đồng, có thể coi đây là sọ Mongoloid điển hình thuộc nhóm loại hình Đông Nam Á.

Trong khu mộ táng ở Đọi Sơn các hiện vật tìm thấy có những hiện vật mang đặc trưng của đồ đồng Đông Sơn, đồng thời lại có một số hiện vật ngoại lai như đỉnh đồng ba chân, đặc biệt là tiền bán lạng. Kết hợp với kết quả giám định xương cốt và cấu trúc mộ táng có thể chỉ định niên đại của khu mộ táng này sớm nhất, tương đương với niên đại mộ Châu Can (Phù Xuyên – Hà Tây) và muộn nhất vào thế kỷ đầu sau Công nguyên.

MỘ THỜI LÊ Ở ĐỘI SƠN

Hai ngôi mộ thời Lê đã được phát hiện vào tháng 5/1984, trước đó từ năm 1983 một ngôi mộ đã được thông báo.

Hai ngôi mộ nằm bên rìa phía bắc Đầm Vực, phía đông nam Ao Ấu, cách chân núi Đội khoảng 800 m về phía nam. Mộ nằm sâu dưới mặt ruộng 0,50 m trong tầng sét mịn màu xanh xám có lẫn nhiều gạch ngói, sành sứ thời Đông Hán. Cả hai ngôi mộ nằm trên một mặt phẳng, đặt chéo nhau tạo góc lệch 15° .

Mộ 1 (M1) quay đầu về núi Đội, chính hướng bắc – nam. Mộ 2 (M2) đầu quay về hướng tây – tây bắc, lệch tây 15° .

Áo quan cả hai ngôi mộ đều cùng một kỹ thuật chế tác và được đóng bằng cùng một thứ gỗ, sự khác nhau của hai ngôi mộ chỉ là kích thước của áo quan gỗ. Cổ áo quan là loại gỗ có thớ dọc, sợi to và xốp, bên ngoài hơi mủn có màu đen. Bên trong thớ gỗ có màu hơi vàng, có vết bóng của tinh dầu và thoang thoang mùi thơm. Có lẽ đây là gỗ Ngọc Am, vẫn thấy dùng thông dụng để đóng áo quan cho các mộ hợp chất cùng thời. Quan tài được cấu tạo bằng 6 tấm, nối ghép với nhau bằng mộng đuôi én và cá trê, hai tấm thiên và địa đều có mặt ngoài hơi khum, giữ nguyên dáng cong của thân gỗ.

Kích thước quan tài đo ở phía trong như sau:

Mộ 1 dài 1,00 m, rộng 0,25 m, cao 0,25 m, gỗ dày 0,06 m chỗ dày nhất 0,10 m. Hai tấm đầu được đóng thụt vào 0,04 m. Mộ 2 dài 1,7 m, rộng 0,5m, cao 0,29 m, gỗ dày 0,06 m, tấm thiên chỗ dày 0,06 m, rìa cạnh dày 0,43 m, hai tấm đầu đóng thụt vào 0,04 m.

Hiện vật ở mộ 1: Trong lòng áo quan mộ 1 chứa bộ xương còn khá tốt và được xếp rất cẩn thận. Toàn bộ xương phía ngoài được phủ một lớp màng rất mỏng có màu hồng hơi vàng trông như được quét một thứ muối khó tan.

Bộ xương nằm trong khối nước trong, không có bùn đất và hiện vật gì.

Hiện vật ở mộ 2: Mộ 2 đã thủng một miếng đốc quan tài ở phía chân. Chỗ vỡ rộng tới 10 cm, nên bùn đất và nước đã tràn vào gần đầy lòng quan. Sọ bị trôi xuống ngang thất lưng. Tình trạng xương mủn nát, ở sát mấy đốt

sống cổ có một cọc tiền gồm 5 đồng dính lại với nhau. Ngang thắt lưng người chết có một gương tròn bằng thủy tinh và một chiếc lược bí.

Gương tròn đường kính 4,5 cm, dày 1,5 mm, thủy tinh trong suốt, không còn dấu vết của thủy ngân hay bạc trắng mạ phía sau. Lược bí vào loại nhỏ, dài 8,2 cm, răng lược dày 1,5 mm, sống lược dày 7 mm. Toàn bộ lược rộng 4 cm, ở góc được gắn bằng sơn ta vẫn còn rất chắc, chỉ riêng răng lược đã bị mòn nhiều.

Năm đồng tiền đồng còn tốt, trong đó có hai đồng “Cảnh Hưng Thông Bảo”, với hai chữ “Bảo” viết khác nhau, một đồng “Nguyên Phong Thông Bảo” và một đồng “Thiên Thánh Nguyên Bảo”.

Hai ngôi mộ cùng chôn trên mặt phẳng, trong lớp sét mịn có nhiều gạch ngói và mảnh gốm sứ thời Đông Hán. Có thể nghĩ rằng hai ngôi mộ cùng được chôn cất một lúc.

Căn cứ vào vị trí hai ngôi mộ: Mộ số 2 (M2) nằm ở sát chân mộ số 1 (M1), trong mộ 2 lại có gương và lược bí là đồ hay đem theo của phụ nữ thì phải chăng M1 là mộ của chồng và M2 là mộ của vợ.

Về các di vật chôn theo trong mộ, lấy tiền Cảnh Hưng có niên đại muộn nhất để định niên đại cho ngôi mộ là hợp lý. Về cấu trúc mộ quan tài được làm bằng gỗ giống gỗ Ngọc Am thông dụng trong thời đại ấy. Kỹ thuật làm quan tài, độ dày áo quan cũng có sự trùng hợp, do đó có thể cho rằng hai ngôi mộ này được táng vào thời kỳ cuối cùng của triều đại nhà Lê (Lê Trung Hưng), có xê xích cũng chỉ kéo dài đến hết triều Tây Sơn là cùng.

Hai ngôi mộ cho biết thêm tư liệu về phong tục chôn cất của thời Lê. Bên cạnh các loại mộ hợp chất của tầng lớp quý tộc có địa vị trong xã hội, còn có loại mộ không có quách hợp chất như hai ngôi mộ này.

Đã phát hiện được nhiều mộ hợp chất thời Lê - Trịnh. Đó là loại mộ chỉ chôn một lần. Ở Đọi Sơn lần đầu tiên phát hiện mộ cải táng? Trong khi tư liệu lại khẳng định là không có. Cho nên nó là tư liệu giúp ta hiểu thêm về tục chôn cất thời đại này.

HANG GIÓNG LỎ



Tháng 11/1998, Bảo tàng Hà Nam tổ chức điền dã một số địa điểm thuộc dãy núi đá vôi của huyện Thanh Liêm và đã phát hiện một địa điểm đáng chú ý. Đó là hang Gióng Lỏ.

Hang Gióng Lỏ thuộc núi Chùa - một trong những núi của dãy Thiên Kiện, còn gọi là Địa Quân Sơn. Núi Chùa nằm trên địa bàn của thôn Bồng Lạng xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm. Núi tương đối cao, có ngọn cao 600 - 700m và dài khoảng hơn 1000m.

Cửa hang cao hơn mặt ruộng 7 m, quay về hướng tây. Trước hang là mảnh đất bằng phẳng, rộng khoảng 100 mẫu, nay là cánh đồng trồng màu của nhân dân. Sát chân núi về phía tây có một con ngòi, thường vào mùa mưa mới có nước. Cửa hang có một cây đại và một cây búng báng khá to. Theo các cụ già ở địa phương cho biết trước kia ở núi này có nhiều cây búng báng, sau này mới bị chặt phá.

Hang Gióng Lỏ rộng 5m, dài 25m, cao bình quân 3 m, có chỗ cao 4 - 5 m. Trần hang có nhiều nhũ đá rủ xuống. Nền hang chia làm 2 cấp rõ rệt. Sát cửa hang nền cao hơn. Nửa trong thấp hơn khoảng 30 - 40 cm. Tận cùng hang có đường thông xuống một lạch nước không bao giờ cạn hiện còn rất nhiều vỏ ốc sồi và ốc đang sống.

Do nền hang nhân dân địa phương đã lát gạch và đặt bát hương làm nơi thờ cúng nên không thể đào thám sát được.

ĐẤU TÍCH NGÔI NHÀ SÀN ĐẤT CÔNG NGUYÊN

Tháng 10 năm 1998, khi đào đất vượt nền trạm xá xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, các thợ đấu thôn Yên Lạc đã phát hiện được một bãi cọc.

Nơi phát hiện được bãi cọc là thửa ruộng trồng sắn đường đi thuộc Lảnh Trì, xã Mộc Nam. Theo những người thợ đấu cho biết, khi đào từ lớp đất mặt xuống sâu hơn 1m thì chạm phải những chiếc cọc và trong lớp đất đào lên có nhiều mảnh sành. Có 6 chiếc cọc bị gãy đã được mang lên bờ.

Quan sát trên diện tích đã đào khoảng 70 m², còn lại 19 chiếc cọc do được cắm khá chắc chắn xuống lớp bùn nên các thợ đấu không nhổ được. Các cọc bố trí thành hàng dọc. Cọc được làm bằng gỗ tốt. Song do ngâm dưới đất một thời gian dài nên không còn nguyên vẹn. Hiện trạng đường kính của cột dao động trong khoảng 20 – 25 cm. Tất cả các đầu cọc đều hơi tù và phần lớn đã bị gãy. Trên 2 cọc, quan sát kỹ còn thấy dấu vết của lỗ mộng tính từ lớp bùn hiện trạng đến đầu cọc thì mỗi cọc dài từ 1,5 m – 2 m.

Trong bùn còn có những đoạn gỗ bị gãy và những mảnh ván đã mủn nát.

Ngoài những chiếc cọc đã phát lộ, còn thấy nhiều mảnh gốm và sành lẫn trong đất san nền và một chiếc then cửa. Trừ những mảnh vỡ quá nhỏ không thu thập được, những di vật còn lại chia thành các loại sau:

- Then cửa: Làm bằng gỗ, dài 25 cm, rộng 5,5 cm. Phía đầu hãm hình bán nguyệt và dày hơn phần đuôi, tạo thành chốt hãm.

- Ngói ống: Viên thứ nhất dài 18 cm, chu vi 22 cm, dày 1cm, màu xám đen. Mặt ngoài (mặt cong) của viên ngói có hoa văn khắc vạch gân song song. Mặt trong (mặt lõm) có dấu in của một loại vải thưa dệt theo kiểu ô vuông; viên thứ 2 dài 34,5 cm, chu vi 16,9 cm, dày gần 1 cm, màu đỏ nhạt, mặt ngoài có hoa văn khắc vạch hình vòng cung, mặt trong cũng có dấu in của một loại vải thưa tương tự như viên trên.

- Ngói vòm lòng máng: Vì là mảnh vỡ nên không xác định được kích thước cụ thể. Nhưng cũng có thể thấy đó là loại ngói thường gặp ở các ngôi nhà của

dân cư phía nam sông Trường Giang. Viên ngói có độ nung cao, cứng như sừng, mặt ngoài có hoa văn khắc vạch, nhưng bên trong không có hoa văn.

- Miếng đồ sành, độ nung cao, bên ngoài có hoa văn thừng in song song, chạy dọc theo thân.

- Một miếng đồ đựng khác cũng là sành độ nung cao, có hoa văn khắc vạch song song.

- Chân đồ đựng màu đỏ nhạt, độ nung không cao lắm. Phần nối giữa thân và đế có hình lục giác không đều, loe về hai đầu, dài gần 1,8 cm, chu vi ở đoạn hẹp nhất là 16,5cm. Có thể đây là chân một loại đồ đựng khá lớn.

Khảo sát hiện trạng bãi cọc và các di vật thu được, sơ bộ có thể nghĩ đây là dấu tích của một ngôi nhà sàn có niên đại những thế kỷ đầu Công nguyên.

NHỮNG PHÁT HIỆN MỚI VỀ KHẢO CỔ HỌC TẠI CHÙA ĐỘI SƠN

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 theo quyết định của Bộ Văn hóa Thông tin, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đã phối hợp với Bảo tàng Hà Nam, Phòng văn thể huyện Duy Tiên tiến hành điều tra, thám sát và khai quật khảo cổ học tại khu vực chùa Đội Sơn.

Mục đích là, trên cơ sở khảo sát mặt bằng hiện trạng của di tích chùa Đội Sơn xác định vị trí, quy mô của các hố thám sát và khai quật, cố gắng phát hiện dấu tích có liên quan đến cây Bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh thời Lý và cổng Tam quan thời Mạc được ghi chép trong sử sách và văn bia. Kết quả khai quật sẽ cung cấp dữ liệu cho việc lập dự án bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy giá trị tổng thể di tích chùa Đội Sơn.

KẾT QUẢ KHAI QUẬT VÀ THÁM SÁT

Căn cứ vào mục đích đợt khai quật, (tổng diện tích 350 m²) kết quả nghiên cứu được trình bày với 2 nội dung sau:

- Các hố đào tìm chân móng tháp Sùng Thiện Diên Linh.
- Các hố đào tìm dấu tích Tam Quan

1. Các hố đào tìm chân móng tháp Sùng Thiện Diên Linh

1.1. Vị trí và kết cấu địa tầng.

Các hố đào thám sát và khai quật nằm tập trung ở khu vực phía sau nhà Tam bảo và nhà Hậu, nhà Tổ và khu Tịch xá, ký hiệu LDS.2001.H1 và LDS.2001 HII và 5 hố thám sát nhằm xác định giới hạn của nền móng kiến trúc xuất lộ trong hố khai quật.

Nhìn chung kết cấu địa tầng có diễn biến như sau:

- Lớp thứ nhất: Đất thịt, xốp màu nâu sẫm, dày 50 cm đến 70 cm chứa vật liệu kiến trúc hiện đại và lẫn một số ít hiện vật có niên đại sớm (thế kỷ XII) muộn (thế kỷ XIX).

- Lớp thứ hai: Đất thịt màu nâu sẫm, chắc, dày 30 cm đến 40 cm, chứa vật liệu kiến trúc là vôi vữa, gạch Bát Tràng và gạch hình chữ nhật, gốm Việt Nam có niên đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

- Lớp thứ ba: Đất thịt màu nâu sẫm, tơi xốp, dày 50cm đến 60cm, chứa nhiều hiện vật, đặc biệt tập trung ở độ sâu 1m đến 1,4m, bao gồm nhóm chất liệu đá và đất nung, dây đồng... có niên đại thời Lý, nhóm chất liệu đất nung, gốm thời Trần; nhóm chất liệu đất nung, gốm, đinh sắt... có niên đại thời Lê - Mạc thế kỷ XV - XVIII; nhóm đồ gốm có niên đại thời Nguyễn, thế kỷ XIX. Riêng vách bắc của LDS. 2001 HII dấu tích nền đất cháy có niên đại muộn.

- Sinh thổ nằm ở độ sâu từ 1,50 đến 1,55 m, màu vàng, cứng không đều, xen kẽ là đá núi khối to màu vàng, xám.

1.2. Di tích

Di tích tìm thấy trong các hố đào đều là di tích kiến trúc, ngoại trừ dấu vết của nền đất cháy nằm ở sát vách phía bắc của LDS.2001.HII,2 loại di tích đều nằm trong lớp thứ ba trong hố đào.

- Di tích kiến trúc:

Bao gồm di tích nền, móng và các bộ phận kiến trúc.

+ Nền được lát bằng loại gạch vuông thành, sắc cạnh, thể hiện kỹ thuật ở trình độ cao. Gạch có màu đỏ tươi, đỏ gạch. Dựa vào kích thước, thấy có 3 loại: To: 39 cm x 39 cm; trung bình: 37.5 cm x 38 cm; nhỏ: 36 cm x 34 cm. Cả 3 loại có độ dày trung bình từ 5.5 cm đến 6 cm. Không thấy gạch được trang trí, ngoại trừ hình văn đồng tiền in dấu lõm trên bề mặt của 1 viên duy nhất nằm ở LDS.2001.HI.

Gạch tham gia lát nền được xếp khít không có chất kết dính, song vẫn thẳng hàng lối. Nền này giới hạn về phía nam, ăn khớp với móng. Về phía bắc, nền có xu hướng mở rộng tiếp vào lòng nhà Hậu. Mảnh nền thấy trong LDS.2001. H.I và H.II có kích thước khá lớn: 12,3m x 4,15m và 11,5m x 5,5m.

Kích thước của nền vẫn chưa xác định, tuy vậy căn cứ vào kết quả từ hố thám sát có thể đoán biết qui mô của nó khoảng 27m x 12,0m

Quan sát những mảng nền trong hố đào, thấy chúng có hướng khá đồng nhất với nhau và với móng của kiến trúc, đều theo trục bắc - nam, lệch tây 5°.

+ Móng kiến trúc tìm thấy trong hố LDS.2001.HI ở độ sâu 1,35m, gồm có 2 mảng nằm nối tiếp với nền về phía bắc, 2 mảng nằm cách nhau từ 5,5 m đến 5,8 m theo trục đông - tây. Giữa 2 mảng nền được giới hạn bởi các thanh

đá sa thạch tham gia kiến trúc. Móng phía đông: dài 4,95 m, rộng 1,95 m. Móng phía tây: dài 4,65 m, rộng 1,55 m.

Về cơ bản cả 2 móng đều có cấu tạo giống nhau, kết cấu phía bắc có từ 1 đến 3 hàng gạch chữ nhật, xếp nằm, phía nam có 1 hàng. Phía đông móng đã xô lệch, phía bắc móng trôi trượt cả ra nền tới 20 – 30 cm. Chính giữa móng có hố đất đen, kích thước: 1 m x 0,85 m. Hố đất đen này mới đào trong thời gian gần đây khi xây tháp mộ sư (khoảng năm 1980) phá hủy mất một phần móng.

Phía tây, móng nguyên vẹn với những hàng gạch khá quy chuẩn. Trên bề mặt có 1 chân tảng đá sa thạch chạm cánh én. Gạch tham gia móng gồm 2 loại là hình chữ nhật và thể hình hòm số xếp khít, mạch nhỏ, không có chất kết dính. Gạch màu đỏ tươi, vuông vức, bề mặt nhẵn.

- Các bộ phận kiến trúc:

Đều làm bằng đá sa thạch, nằm cùng lớp với nền và móng kiến trúc, bao gồm chân tảng, bậu phía trên hay mi cửa, thanh đá bó móng.

+ Chân tảng: có 2 tiêu bản, 1 nguyên, 1 đã bị vỡ nhỏ chỉ còn mảnh. Đá sa thạch màu xám, khá nhẵn, hình hộp, một chạm hình hoa sen 2 lớp, có 16 cánh thon đều nhụy tròn ở giữa, đường kính: 51cm, kích thước: 75cm x 74cm.

Chân tảng nằm trên bề mặt của móng phía tây LDS.2001.H.I, khá ăn khớp với móng, chứng tỏ vị trí nguyên vẹn của nó trong kiến trúc.

+ Bậu hay mi cửa: 2 tiêu bản, khá nguyên vẹn, nằm nối tiếp và khớp với nhau, ở chính giữa LDS.2001.H.I. Cả 2 phiến giống nhau từ hình dáng, kích thước và hoa văn trang trí. Hình hộp chữ nhật dài, kích thước: dài 1,18m, rộng 0,42m, cao 0,32m. Trên một cạnh có khắc hình văn sóng nước 3 ngọn. Bề mặt thô giáp, có 2 lỗ khoét hình chữ nhật, sâu, tạo thành mộng để liên kết kiến trúc.

Trên đây chúng tôi đã trình bày những nét chính về địa tầng, vị trí, phân bố và loại hình của các di tích thấy trong hố đào. Vậy niên đại, tính chất của các di tích nêu trên như thế nào? Có 2 ý kiến xung quanh vấn đề này:

Ý kiến thứ nhất cho rằng những di tích: nền, móng, bộ phận kiến trúc cùng hiện vật tìm thấy trong các hố đào chính là vết tích còn lại của cây Bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh đã được sử sách và truyền thuyết nhắc tới. Mặt bằng hiện thấy chính là mặt bằng của di tích thời Lý. Nền gạch tìm thấy có khả năng là “vũ lang” hay sân thêm trong mặt bằng các tháp thời Lý đã biết và được miêu tả

trong bia Sùng Thiện Diên Linh. Loại gạch vuông lát nền căn cứ vào màu sắc, kích thước mặt đầu có khác biệt song có thể có niên đại thời Lý. Những vết lõm thấy trên mặt nền đã nêu ở trên chính là vết tích do cây tháp đổ.

Những dấu vết kiến trúc tìm thấy chính là bộ phận của tháp Sùng Thiện Diên Linh, tuy nhiên chân móng cũng như qui mô, kích thước của tháp vẫn chưa được xác định.

Ý kiến thứ hai xác nhận vật liệu tham gia móng và các bộ phận kiến trúc có niên đại thời Lý. Tuy nhiên, đây chỉ là hiện tượng được "tái sử dụng" ở thời sau, điều này thể hiện ở việc sử dụng gạch thẻ là loại chuyên xây tháp vào xây móng. Chính vì vậy, nhìn bề mặt của móng thấy gạch xếp không qui chuẩn như kiến trúc thời Lý đã biết. Cây tháp sau khi bị giặc Minh phá, mặt bằng đã bị thay đổi bởi kiến trúc mới. Dựa vào phong cách nghệ thuật chạm khắc có ý kiến cho rằng niên đại các di tích này là của thời Lê - Mạc.

2. Hồ khai quật ở Tam quan: Ký hiệu LDS. 2001.H.III

2.1. Vị trí và kết cấu địa tầng:

Hồ khai quật là khoảng đất trống nằm ở mặt trước của chùa, ngay sát với nhà bia.

Địa tầng về cơ bản có kết cấu như sau:

- Lớp thứ nhất dày 20 đến 30 cm. Đất thịt màu nâu sẫm, tơi lẫn đất, đá sỏi nhỏ. Trong chứa các loại vật liệu kiến trúc có niên đại từ thời Lý đến thời Nguyễn, đồ gốm thời Trần, Lê, Nguyễn, tiền đồng...

- Lớp thứ hai dày 20 đến 60cm: Đất thịt màu nâu lẫn đất đồi màu vàng, phân bố không đều, dày dần đều về phía nam của hố đào. Trong chứa các loại hình hiện vật giống như lớp thứ nhất.

- Sinh thổ màu vàng, đất đỏ lẫn đá núi có thể khối lớn phân bố không đều khắp hố đào.

Quan sát diễn biến địa tầng có thể nhận thấy:

- Tương ứng với lớp thứ nhất là đất mặt đã bị xáo trộn mạnh.
- Tương ứng với lớp thứ hai là 1 kiến trúc có niên đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

2.2/ Di tích

- Nền: Nền phân lớn đã bị mất, chỉ còn dấu vết mờ nhạt ở góc phía tây bắc của hố đào với 2 hàng gạch Bát Tràng. Nền gồm có 2 lớp. Lớp dưới là các

viên gạch đã vỡ nhỏ, màu đỏ tươi có niên đại sớm vào thời Lý. Đây là lớp nền tận dụng vật liệu của các kiến trúc khác tạo thành mặt bằng tương đối cho lớp nền phía trên. Nền phía trên gạch Bát Tràng, xếp thẳng, mạch to vôi vữa màu xám trắng, gạch vuông, màu xám đen được gọi là phương chuyên (gạch vuông) hay thiết bì chuyên (gạch vỏ sắt), kích thước: 30 cm x 30 cm x 5,5 cm. Đây là loại nền đặc trưng có niên đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

- Móng: Móng còn khá nguyên vẹn, xuất lộ ở 3 vach nam - đông - tây. Riêng vach bắc do cận nhà che bia nên không mở rộng hố đào. Tuy vậy qui mô, kích thước và bố cục rõ ràng.

Móng làm bằng gạch đá ong xếp nằm, mạch liên kết khá to. Ở nhiều vị trí thấy có sự tham gia của gạch đất nung và mảnh đá sa thạch trên bề mặt móng.

Gạch đá ong màu vàng, dài, hình chữ nhật. Kích thước dao động trong khoảng từ 39 cm x 18,5 cm x 10,5 cm đến 42 cm x 18,5 cm x 10,5 cm

Móng ở vị trí nguyên vẹn nhất còn thấy 4 đến 5 hàng gạch, còn các vị trí khác chỉ còn 1 đến 2 hàng. Phía trên của móng là gạch lát nền, phía dưới móng đặt trực tiếp lên nền đất đồi, không thấy đào sâu xuống phía dưới.

Ở móng phía nam có 2 bậc tam cấp xây bằng gạch chỉ và vôi vữa. Kích thước: 0.85 m x 0.80 m. Có ý kiến cho đây là dấu vết của 2 trụ biểu, cấu trúc đặc trưng kiến trúc thời Nguyễn.

- Chân tảng: có 8 chiếc chân tảng còn nằm trong hố đào, trong đó có tới 7 chiếc có niên đại thời Lý được tận dụng, 1 chiếc nhỏ niên đại thời Nguyễn.

+ 7 chiếc niên đại thời Lý: 1 chiếc đá vôi màu xanh, trang trí cánh sen 2 lớp. Đường kính 59 cm. Kích thước 85 cm x 84,5 cm. 6 chiếc còn lại bằng đá sa thạch, không trang trí. Có 2 chiếc to, đường kính: 54 cm, kích thước: 74 cm x 67 cm. Có 4 chiếc loại trung bình, đường kính: 40 cm, kích thước: 50 cm x 48 cm.

+ 1 chiếc thời Nguyễn: loại nhỏ, đá vôi. Đường kính: 23 cm, kích thước: 24 cm x 24,5 cm.

Từ các di tích trong hố đào có thể nhận thấy đó là nền, móng, hệ chân tảng của một kiến trúc có niên đại cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Qua so sánh với bản vẽ của Bezacier (những năm 1930), chúng tôi thấy rằng di tích trong hố đào chính là mặt bằng của Tam quan trong bản vẽ. Tuy nhiên, phần chuôi vò của Tam quan chưa thấy trong hố đào do nằm sâu trong nhà bia.

Do xây dựng muộn, kiến trúc đã tận dụng lại khá nhiều vật liệu của các giai đoạn trước đó. Vì vậy ta thấy có cả hiện vật niên đại thời Lý và Lê - Mạc trong hố đào. Tam quan có bố cục 5 gian, 6 hàng chân cột.

3. Di vật:

Di vật thu được qua đợt khai quật là một sưu tập quý, có giá trị nghiên cứu và trưng bày. Di vật gồm các chất liệu đá, đất nung, kim khí (đồng, sắt) và gốm sứ.

3.1. Nhóm di vật đá.

Bao gồm các vật liệu và trang trí kiến trúc.

- Vật liệu kiến trúc: Được làm bằng đá sa thạch màu xám và đá xanh (đá vôi). Hiện vật đều bị vỡ thành các mảnh nhỏ, nhiều hiện vật chưa xác định rõ loại hình. Trên một số hiện vật còn thấy các lỗ mộng, ngoàm để liên kết kiến trúc. Về cơ bản nhóm vật liệu kiến trúc tìm thấy có các loại hình sau: Đầu kê (3 kiểu), bó móng kiến trúc, bậu hay mi cửa, chân tảng. Đáng chú ý một số đầu kê trên gờ cạnh còn có dấu vết thể hiện các ký hiệu, đánh dấu vị trí nằm trong kiến trúc. Các đầu kê, qua mảnh vỡ vẫn có thể nhận biết chúng có đội các khối tượng, chủ yếu là Kinari. Trên một số hiện vật có trang trí hoa văn sóng nước và hoa mẫu đơn. Niên đại nhóm hiện vật này xác nhận thuộc đầu thế kỷ XII và là các bộ phận tham gia kiến trúc tháp.

- Vật liệu trang trí kiến trúc: Được làm bằng cả đá sa thạch và đá vôi. Nhiều hiện vật chưa xác định rõ loại hình cũng như mô típ và đồ án trang trí. Trên nhiều hiện vật có lỗ ngoàm, mộng để liên kết kiến trúc. Về cơ bản có các loại sau: Ápsara Kinari, hình rồng, hoa mẫu đơn, rồng kết hợp hoa mẫu đơn, hoa cúc dây, sóng nước. Qua các mảnh vỡ từ đầu, thân, cánh, đuôi... của Kinari có thể biết chúng có kích thước to nhỏ khác nhau, được sử dụng ở nhiều vị trí tầng tháp? Hiện tượng nêu trên cũng thấy trên trang trí rồng, sóng nước, hoa lá... Cũng như vật liệu kiến trúc, trang trí kiến trúc có niên đại thế kỷ XII và là trang trí của tháp.

- Bên cạnh đó trong sưu tập cũng có một số hiện vật có niên đại muộn, chủ yếu là chân tảng đá vôi thời Nguyễn.

3.2/ Nhóm di vật đất nung.

- Vật liệu kiến trúc: Có 2 loại hình chủ yếu là gạch và ngói. Hiện vật được làm bằng đất sét mịn, nhiệt độ nung cao, màu đỏ tươi và đỏ gạch.

+ Gạch: có 9 loại bao gồm gạch tráng men và không tráng men. Trong số đó có loại trang trí và không trang trí. Trang trí chủ yếu trên gạch lát với

mô típ hoa cúc, cánh sen nhiều lớp... Các loại hình gồm có gạch hình vuông, chữ nhật, gạch thẻ hình hòm số, gạch hình tam giác...

+ Ngói: có 6 loại, trong đó chiếm tỷ lệ cao là ngói ống, ngói âm dương, ngói mũi hài (mũi hài đơn giản và kép). Trang trí chỉ thấy ở đầu ngói ống là mô típ hoa cúc dây, và hoa sen. Bên cạnh đó có loại ngói phủ men trắng, xương trắng xám, mịn.

Về cơ bản, gạch và ngói trong sưu tập có niên đại thời Lý, Trần. Nhóm hiện vật thời Lý được xác nhận là các vật liệu tham gia xây tháp. Nhóm hiện vật thời Trần là gạch lát và ngói lợp kiến trúc gỗ.

- Vật liệu trang trí kiến trúc:

Nhóm hiện vật có số lượng và loại hình phong phú nhất. Có tới 13 loại hình với 336 tiêu bản, trong mỗi loại hình lại có các biến thể tạo thành nhiều kiểu sinh động. Cũng được làm từ đất sét, khi nung có màu đỏ tươi, song nhóm vật liệu trang trí kiến trúc được làm bằng loại chất liệu cao cấp hơn hẳn gạch ngói, được thể hiện ở độ mịn của hiện vật. Trang trí kiến trúc bao gồm trang trí rồng, phượng, uyên ương (vịt), hoa lá gồm các loại cúc, sen... Trong đó chiếm tỷ lệ lớn nhất là mô típ rồng với những đồ án kết hợp sinh động như: rồng với hoa cúc dây, rồng với hoa mẫu đơn, với hoa sen 1 lớp, 2 lớp, rồng kết hợp trong lá đề, rồng kết hợp trong hình tròn... Đáng chú ý trong mỗi mô típ lại thể hiện các biến thể với nhiều kích thước to nhỏ khác nhau. Có những hình rồng trang trí trên gạch có độ dày thân đến 10cm, chứng tỏ vật liệu có thể khối rất lớn. Với các trang trí khác cũng có hiện tượng này, ví như tượng uyên ương, qua một số tiêu bản thu được chứng tỏ chúng có nhiều kích thước với các hình dáng rất sinh động.

Trên các hiện vật trang trí phần lớn đều thấy có kí tự, kí hiệu định vị kiến trúc hay nơi sản xuất bao gồm: Dấu in lõm hình hoa nhiều cánh, văn hình đồng tiền, hình cây đàn... hoặc các chữ Hán như Đệ tam, Đệ nhị, Nhị tầng, Tứ tầng... mặt sau của hiện vật có nhiều loại ngòam, lỗ mộng... để liên kết kiến trúc.

3.3. Đồ gốm, sành:

Bao gồm 12 loại hình, chủ yếu là đồ gốm dân dụng phản ánh các dấu vết sinh hoạt, với các loại hình: Bát, đĩa, chén, nắp đậy...

Có 3 loại nhóm niên đại:

- Thế kỷ XIII – XIV: Đồ gốm có các loại men trắng ngả vàng, men nâu, men ngọc.

- Thế kỷ XV-XVIII: Đồ gốm các loại men trắng vẽ lam, men trắng chiếm số lượng lớn với loại men trắng ngả xám, men trắng ngả xám xương gốm màu đỏ có niên đại thế kỷ XVIII.

- Thế kỷ XIX ngả xanh, men lam mờ nhòe. Bên cạnh số ít đồ gốm Việt Nam, có đồ gốm Trung Quốc được sản xuất ở các lò vùng Quảng Đông.

3.4. Các loại hình di vật khác:

Bao gồm các di vật kim khí với chất liệu đồng, sắt.

- Chất liệu đồng: Chủ yếu là dây đồng, bản dẹt, dài đều bị ôxi hóa nên có màu xanh lục. Dây có thể là loại vật liệu tham gia liên kết kiến trúc (?)

Bên cạnh đó trong sưu tập thu được có một vài đồng tiền, có niên đại muộn vào thời Nguyễn.

- Chất liệu sắt: Toàn bộ là đinh sắt, mũ đinh hình nấm, thân dài có tiết diện hình chữ nhật, dẹt. Do bị ôxi hóa nên có màu đỏ. Đinh đều bị biến dạng do sử dụng. Niên đại của nhóm hiện vật này thuộc thời Lê - thế kỷ XVII - XVIII.

Qua kết quả điều tra, thám sát và khai quật khảo cổ học di tích chùa Long Đọi Sơn, có thể nói mục đích yêu cầu của đợt nghiên cứu phần nào đã được giải quyết. Có những vấn đề đã được làm sáng tỏ, có vấn đề còn là giả thiết công tác cần tiếp tục được nghiên cứu. Kết quả khai quật khảo cổ học đã cung cấp nguồn tài liệu có liên quan đến chùa Long Đọi Sơn, cây tháp Sùng Thiện Diên Linh thời Lý và cổng Tam quan, góp phần phục vụ tôn tạo.

- Qua nghiên cứu hệ thống di tích, di vật cùng diễn biến địa tầng các hố thám sát và khai quật tìm dấu vết cây tháp Sùng Thiện Diên Linh, có thể nói nơi đây đã từng tồn tại cây Bảo tháp thời Lý như sử sách, bia ký đã ghi chép cũng như qua truyền thuyết. Vết tích nền móng kiến trúc cho dù nguyên vẹn hay tái sử dụng thì nhóm hiện vật trong hố đào với các loại hình được xác nhận là bộ phận tham gia xây tháp. Rõ ràng, các nhóm loại hình hiện vật bao gồm vật liệu và trang trí với chất liệu đặc trưng, chuyên dùng xây tháp và kiến trúc của thời Lý. Hơn nữa, qua đó ta còn có thể khẳng định qui mô của tháp rất to lớn. Tuy nhiên, số đo cụ thể của chân móng, thêm hay vũ lang và rất nhiều các vấn đề có liên quan chưa được nhận thức. Căn cứ và diễn biến địa tầng nhiều khả năng lòng tháp sẽ ăn sâu vào phía Tam bảo của kiến trúc hiện tại.

Theo văn bia, khi Lý Nhân Tông cho xây dựng chùa Long Đọi Sơn vào đầu thế kỷ XII, bên cạnh cây Bảo tháp còn có nhiều kiến trúc phụ khác, qua kết quả các hố đào cũng có dấu hiệu xuất lộ. Hiện nay, việc xác định các di tích này vẫn chưa được giải đáp.

Vấn đề sửa chữa tu tạo lại ngôi chùa sau khi bị giặc Minh tàn phá trong khoảng thời gian 1407 – 1428 (?) cũng có khả năng lý giải qua diễn biến địa tầng cũng như di tích và di vật. Mặt bằng di tích nhiều khả năng được tái sử dụng, khi thấy các hố bị xáo trộn mạnh cùng các hiện vật có niên đại muộn trong địa tầng. Căn cứ vào hiện tượng này, có ý kiến cho rằng mặt bằng và các vật liệu thời Lý được sử dụng lại vào thời Lê - Mạc.

- Kết quả nghiên cứu ở LDS.2001.H.III đã có thể đáp ứng yêu cầu tôn tạo. Toàn bộ các vấn đề liên quan đã được giải quyết khá triệt để. Tam quan với nền móng cùng phân bố hệ chân tảng đã cho biết qui mô, kích thước và quá trình tồn tại của nó. Tam quan có bình đồ dạng chuỗi vồ, hai bên có nhà dài vũ khá đăng đối.

Di vật thu được qua thám sát và khai quật là một sưu tập quý giá. Các nhóm loại hình đã bổ sung cho nguồn tư liệu còn hạn chế về kiến trúc và trang trí kiến trúc, đặc biệt đối với thời Lý. Sưu tập đáp ứng công tác nghiên cứu cũng như trưng bày. Đặc biệt, qua sưu tập các nhà tôn tạo có thể tham khảo để phục vụ dựng lại di tích với hình dáng và kích thước gạch, các bộ phận kiến trúc và họa tiết trang trí sát thực với những gì mà di tích vốn có.

VỀ KHU MỘ THUYỀN Ở YÊN BẮC

Cuối tháng 12 năm 2000, khu mộ thuyền Yên Bắc được phát hiện và khai quật. Việc sử lý khoa học về khu mộ thuyền như: địa tầng, giám định xương cốt, hiện vật, phân tích mẫu bằng phương pháp C14, AND... để khả dĩ đưa ra những kết luận khoa học tin cậy phải có thời gian. Vì vậy trong bài này chúng tôi mới có tạm có những nhận xét, đánh giá bước đầu dựa trên kết quả nghiên cứu sơ bộ.

1. Địa điểm phát hiện:

Khu vực phát hiện khu mộ thuyền là một lòng cái ao thả cá, thuộc cánh đồng Vua Riu, đội 4 xã Yên Bắc (huyện Duy Tiên). Do lấy đất để kiên cố hóa con kênh Y48 sát liền bên cạnh, các thợ đấu đã "làm xuất lộ" 9 mộ thuyền tập trung trong diện tích khoảng 400m².

Thu thập những thông tin khảo cổ học về xã Yên Bắc và vùng phụ cận cho thấy đây là khu vực có khá nhiều di tích văn hóa Đông Sơn, nổi bật là trống đồng và các mộ hình thuyền đã được phát hiện. Ngay trên đất Yên Bắc đã tìm thấy 4 trống đồng Đông Sơn ở các thôn Văn Xá, Vũ Xá, Lũng Xuyên; di chỉ cư trú Vũ Xá đã được đào thám sát năm 1985, tầng văn hóa dày 0,4m, hiện vật gồm nhiều mảnh gốm vỡ. Về mộ táng, năm 1985 Viện khảo cổ học đã điều tra trên địa bàn xã Yên Bắc tập trung vào hai thôn Lũng Xuyên, Vũ Xá. Tuy chưa khai quật nhưng theo lời kể và mô tả của nhân dân, đã phát hiện được một thân cây khoét rỗng, gọi mở cho hướng tìm tòi một khu mộ thuyền đích thực.

2. Kết quả khai quật:

Trong 9 ngôi mộ được phát hiện và nghiên cứu chỉ có 5 mộ được khai quật. Ngôi mộ số 1, do các thợ đấu đào bới lên bờ kênh. Các mộ số 5, số 8, số 9 đã bị phá hủy hoàn toàn, do quá trình lấy đất, vận chuyển đất. Xử lý các ngôi mộ này chỉ tìm thấy xương cốt mủn nát lẫn vào bùn đất, không tìm thấy đồ tùy táng chôn theo. Tình trạng xương cốt bị hủy hoại nặng nề cũng thể hiện ở 4 mộ đã được khai quật, trừ mộ số 6, các xương chi của người chết còn khá nguyên vẹn, hộp sọ thì bị vỡ thành nhiều mảnh, tuy nhiên vẫn có thể nghiên cứu được.

Các ngôi mộ được chôn trong tầng sét biển (hay còn gọi là tầng sù vệt) dấu vết biên mộ không thấy, hoặc có thì cũng quá mờ nhạt. Ở một vài mộ có dấu vết cọc và dây buộc để ghim mộ. Các ngôi mộ phân bố khá tập trung, mộ nọ cách

mộ kia khoảng 4 – 5m. Độ sâu của mộ dao động trên dưới 2m so với mặt ruộng canh tác. Hướng các ngôi mộ, trừ mộ số 7, đều quay đông – tây (đầu quay hướng đông) gần như song song với nhau, nhưng không ngang hàng, thẳng lối.

Đa số các mộ tẩm thiên vỡ nát, chỉ còn hai mộ là giữ được cả tẩm thiên, tẩm địa của quan tài.

Mộ Yên Bắc làm từ một đoạn thân cây được xẻ đôi theo chiều dọc, một nửa làm tẩm thiên, một nửa làm tẩm địa. Nếu so với mộ hình thuyền Châu Sơn (thị xã Phú Lý, Hà Nam) và mộ Châu Can (Phú Xuyên, Hà Tây) thì mộ thuyền Yên Bắc có kích thước trung bình.

Cả tẩm thiên và tẩm địa đều được khoét rộng vòm lòng máng. Hình dạng vỏ mộ có thể phân làm hai loại: một loại để nguyên cả vỏ xù xì và dáng tự nhiên của cây gỗ chỉ đẽo gọt sơ sài, có hình trụ; loại kia có sự gia công cẩn thận, vỏ mộ được bào gọt nhẵn nhụi, bóc hết lớp vỏ tự nhiên, thân mộ tạo hình lục giác khá đều. Hai đầu quan tài được cưa thẳng, nhưng cách tạo vách ngăn, một số mộ thì khoét thủng, lòng hai đầu để trống rồi đóng vào hai miếng gỗ nhờ các chốt. Để ghép chặt tẩm thiên và tẩm địa, người xưa dùng “4 mộng cá”, mỗi đầu hai mộng. Cá có cá liền, cá động và xuyên từ đáy tẩm địa lên tẩm thiên. Gỗ cá dùng làm quan tài là thứ gỗ tốt, đạt độ bền chắc cao.

Người chết đều chôn trong tư thế nằm ngửa, mỗi mộ chỉ chôn một người. Một số mộ phát hiện dấu vết của bao bố quấn bên ngoài tử thi, dệt kiểu “lòng mốt”, trong một mộ còn thấy mảnh vải mủn nát, có lẽ là vải liệm. Người chết nằm ngửa lên trên, chân duỗi thẳng. Có mộ tìm thấy mảnh gỗ dưới đầu người chết (mộ 7) khả năng là gối. Riêng tư thế tay có 3 kiểu để dọc hai bên sườn, đặt lên bụng. Duy nhất ở mộ số 6 người chết đặt tay bắt chéo lên ngực và úp lên trên một chậu thau đồng.

Hiện vật, như trên đã mô tả được thu thập trong 5 mộ: M2, M3, M4, M6 và M7, cụ thể là:

- M2: 1 cuốc gỗ (vỡ nhiều mảnh).
- M3: 1 rìu đồng (vỡ thành 2 mảnh), 1 đai gỗ (vỡ nhiều mảnh), 4 song nhĩ bôi (1 còn khá nguyên vẹn), 1 đầu gỗ (sát miệng thùng lỗ chỗ), 1 cuốc gỗ (sứt lưỡi), 2 vỏ quả bầu (vỡ nhiều mảnh), hạt ủa (3 hạt).
- M4: 1 thạp đồng minh khí (nguyên vẹn), 1 giáo đồng (gãy phần mũi), 1 mũi tên đồng, 1 giáo đồng (gãy phần mũi), 1 mũi tên đồng, 1 khuyên tai đồng (nguyên vẹn), 1 khuyên tai bằng đá trắng (nguyên vẹn), 1 cuốc gỗ (còn cán và 1 phần lưỡi).

- M6: 1 chậu đồng (gắn nguyên vẹn), 1 dọi xe chỉ bằng núm quả, 1 vỏ quả bầu (khoét lỗ hình quả đào), 1 cuốc gỗ (còn gắn nguyên), 1 thước gỗ (gãy đôi), 1 suốt sợi gốc (gãy hai mảnh), 1 cánh cung nhỏ bằng tre, 1 bát gỗ (gắn nguyên), 1 mảnh họng rìu.

- M7: 2 khuyên tai bằng đá xanh (nguyên vẹn), 2 giáo đồng (mỏ lưỡi, sắt họng), 3 mũi tên đồng (1 chiếc sắt mũi và rìa cạnh), 1 cuốc gỗ (vỡ lưỡi, sắt cán), 1 mảnh gổ gỗ, 1 mảnh công cụ đồng, 3 cục xỉ đồng.

Ngoài ra bên cạnh mộ số 5 còn tìm thấy 1 thạp đồng và 1 mũi giáo gắn như nguyên vẹn. Mộ số 1, các thợ đấu cho biết có mũi giáo nhỏ đã được họ cho vào tiểu sành chôn xuống bên kia bờ kênh (do tín ngưỡng của dân nên không khai quật lại).

Các đồ tùy táng trên, căn cứ vào chức năng sử dụng, chia thành các nhóm: công cụ sản xuất, vũ khí, đồ gia dụng và đồ trang sức. Nhìn chung hiện vật trong các mộ thuyền Yên Bắc ghi đậm dấu ấn, phong cách văn hóa Đông Sơn, nhất là nhóm di vật bằng đồng, bằng đá.

3. Một số nhận xét:

3.1. Trước khi tạm định một niên đại tương đối cho khu mộ Yên Bắc, chúng tôi nêu một số niên đại của mộ thuyền đã được nghiên cứu.

Mộ Lạc Sơn, có 3 niên đại trước khi nhà Hán xâm lược nước ta, vào cuối thế kỷ 3 đầu thế kỷ 2 trước Công nguyên.

Mộ Yên Từ: niên đại từ thời Tây Hán năm 136 trước Công nguyên đến thời Hai Bà Trưng (40-43 sau Công nguyên).

Mộ Thịnh Châu Hạ (châu Sơn) thế kỷ 1 sau Công nguyên.

Mộ Đọi Sơn: tương đối với niên đại mộ Châu Can khai quật năm 1974, niên đại C14 là $2325 + 60$ năm cách ngày nay (tức $375 + 60$ trước Công nguyên).

Xác định niên đại khu mộ thuyền Yên Bắc trong khi chưa có kết quả xét nghiệm mẫu C14 thì nghiên cứu hiện vật trong mộ là rất quan trọng. Ở đây không tìm thấy tiền Ngũ hay Bán lượng, là những đồng tiền sử dụng trong thời Hán (Trung Quốc), nhưng lại phát hiện 4 chiếc song nhĩ bôi (chén gỗ hai tai) được sơn hai màu đen đỏ mang phong cách của nước Sở thời Chiến Quốc ở Trung Quốc. Theo ý kiến của nhiều nhà sử học, thời Chiến Quốc có thể lấy năm 403 trước Công nguyên là năm thứ ba nước Triệu, Ngụy, Hàn được nhà Chu công nhận là chư hầu làm mốc mở đầu và kéo dài đến năm 221 trước Công nguyên là nước Tần thống nhất Trung Quốc. Do vậy có thể lấy niên đại mở đầu thì sao?

Khu mộ thuyền Yên Bắc thuộc phạm trù văn hóa Đông Sơn. Có thể nghĩ rằng giai đoạn mở đầu của văn hóa Đông Sơn vùng sông Hồng là khoảng thế kỷ 8 – 7 trước công nguyên⁽¹⁾. Mộ thuyền Yên Bắc sớm nhất có trùng niên đại với niên đại mở đầu của văn hóa Đông Sơn ở vùng đồng bằng sông Hồng hay không là điều chưa thể khẳng định được.

Một niên đại có thể chấp nhận cho khu mộ Yên Bắc là vào khoảng thế kỷ 4 – 3 trước Công nguyên.

3.2. Khu mộ thuyền Yên Bắc được phát hiện, cùng với các mộ thuyền đã được nghiên cứu trước đó ở Hà Nam cung cấp thêm tư liệu để nghiên cứu quá trình người Việt cổ khai phá vùng đồng bằng sông Hồng.

Theo các nhà địa chất, cách đây 2.700 năm, tức thời điểm văn hóa Đông Sơn ra đời, bờ biển ở Mỹ Đức, Thường Tín, Hải Dương, Đông Triều. Những di tích Đông Sơn ở dưới đường ranh giới này đều không thể có niên đại sớm hơn thế kỷ 5 trước Công nguyên. Cách đây 2000 năm bờ biển đã xuống tới Ninh Bình, Nam Định. Các di tích Đông Sơn muộn tập trung khá nhiều trong các huyện phía nam tỉnh Hà Tây, các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình.



Thời kỳ tồn tại của văn hóa Đông Sơn, bộ mặt đồng bằng sông Hồng vẫn còn trong quá trình hình thành, biển rút đến đâu người Đông Sơn có mặt ở đó, họ đã tỏ ra là những người lặn biển có kinh nghiệm.

⁽¹⁾ Phạm Minh Huyền: Văn hóa Đông Sơn tính thống nhất và đa dạng. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr 194

Quan sát sự phân bố của các khu mộ thuyền đã biết ở Hà Nam, kể cả khu mộ thuyền Yên Bắc lần này có thể thấy cư dân văn hóa Đông Sơn đã chọn những dải đất cao để cư trú, đóng những con thuyền độc mộc làm phương tiện đi lại trên sông nước.

Người Việt cổ khai phá đồng bằng Hà Nam khá sớm và liên tục, đã can thiệp vào quá trình hình thành đồng bằng và làm thay đổi bộ mặt cảnh quan, sinh thái nơi đây.

3.3. Qua các đồ tùy táng cho thấy cư dân cổ Yên Bắc nói riêng và cư dân văn hóa Đông Sơn nói chung đã có một nền kinh tế đa dạng. Nông nghiệp trồng lúa nước và chăn nuôi gia súc, gia cầm càng giữ vai trò chủ đạo. Họ còn trồng các cây ăn quả như bầu bí... Đồng thời săn bắt, hái lượm vẫn còn là một phương thức bổ sung nguồn thức ăn. Bên cạnh nghề nông, cư dân cổ Yên Bắc còn làm các nghề thủ công như dệt, nghề mộc... trao đổi sản phẩm với các nhóm cư dân khác. Sự có mặt của 4 chiếc song nhĩ bơi của nước Sở thời Chiến Quốc (Trung Quốc) chứng tỏ người Việt cổ đồng bằng sông Hồng đã có giao lưu với người Hoa Nam Trung Quốc từ rất xa xưa.

3.4. Xã hội của cư dân cổ Yên Bắc qua tư liệu mộ táng, đã có sự phân hóa giàu nghèo. Trong số 9 ngôi mộ, số mộ nghèo không có hiện vật là 2, số mộ có 6 – 9 hiện vật là 2, số mộ có 10 hiện vật là 2, cho thấy sự phân hóa ấy chưa thật sâu sắc, đa số là tầng lớp bình dân, người thật giàu có chưa xuất hiện.

3.5. Tư liệu mộ thuyền Yên Bắc còn góp phần minh chứng tín ngưỡng thờ thần mặt trời của cư dân nông nghiệp văn hóa Đông Sơn, biểu hiện ngay cả khi chôn cất người chết đầu hướng mặt trời mọc. Đó còn là hình thức táng tục độc đáo trong các thân cây khoét rỗng, tái hiện hình ảnh con thuyền độc mộc ở thế giới bên kia – một phương tiện giao thông vô cùng quan trọng thời ấy. Với việc tìm thấy 4 vòng đeo tai trong 2 ngôi mộ, cho thấy có hai lối phục sức đối xứng và không đối xứng cùng tồn tại ở cư dân cổ Yên Bắc. Ai là chủ nhân thực sự của những vòng (khuyên) đeo tai? Chúng ta thường nghĩ là phụ nữ. Tuy nhiên trong mộ thuyền Thịnh Châu Hạ (Châu Sơn) có 1 khuyên tai bằng đá trắng tương tự như trong mộ số 4 Yên Bắc đã được giám định xương cốt người chết trong mộ lại là một người đàn ông 40 – 60 tuổi, mà chức năng của vòng trang sức có thể nảy ra 2 giả thiết: Thứ nhất đây đích thực là đồ trang sức của phụ nữ mà chủ nhân ngôi mộ mang theo như một vật kỷ niệm và thứ hai đây chính là vòng đeo tai của người chôn trong mộ.

Đặc biệt là việc phát hiện 4 ký tự dịch học ở đáy của 4 chiếc song nhĩ bôi (mỗi chiếc 1 ký tự) phản ánh một khâu của vòng chuyển hóa: Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái. Ở đây cụ thể là lưỡng nghi: nghi dương (-), nghi âm (- -) sinh tứ tượng (: Thiếu Dương (=) Thiếu dương (- -), Thiếu âm (= =), Thiếu âm (- -). Cả 4 chiếc song nhĩ bôi đều ở trong 1 ngôi mộ (M3), có lẽ chủ nhân của chúng có liên quan đến “dịch học” hay bói dịch.

Cuộc khai quật khu mộ thuyền Yên Bắc đã cung cấp thêm những thông tin khoa học có giá trị; góp phần vào bộ sưu tập hiện vật văn hóa Đông Sơn tỉnh nhà những hiện vật quý, trong đó có một số hiện vật lần đầu tiên có mặt.

DI CHỈ VĂN HÓA HÒA BÌNH Ở HÀ NAM

Tháng 4 năm 2001 với sự phối hợp của cán bộ Viện Khảo cổ học, Bảo tàng Hà Nam đã tổ chức điền dã ở đại bàn xã Thanh Nghị (huyện Thanh Liêm), trở lại hang Gióng Lở đào 3 hố thám sát thu thêm một số hiện vật đá mới hậu kỳ. Đặc biệt là tiến hành điều tra hầu hết các hang động trong hệ thống núi đá vôi ở đây như hang Quê, hang Mả Mây, thung Lò Rèn, hang Dơi và hang Chuông...

Trong các hang trên thì hang Chuông và hang Rơi là hai hang có vị trí địa lý rất thuận lợi cho việc cư trú của người tiền sử. Hang Dơi nằm phía tay trái và bên trên hang Chuông, vì ở đây có nhiều dơi sinh sống nên nhân dân gọi là hang Dơi, hang này có mái đá thấp. Hang Chuông có mái đá cao khoảng 20 – 30m, cửa hang nhìn ra cánh đồng Lò Thượng, cánh đồng Cửa Mái. Bên phải ở một đầu núi, cách hang Chuông khoảng 150m là đầm Cái Bai rộng khoảng hơn 3 mẫu. Xung quanh đầm nước là các núi Sẻnh, Tráng Láng, Bãi, Chằm, núi Thung Mơ và núi Chuông (hay còn gọi là núi Bà Cọp). Các núi đá vôi này tạo ra một vòng cung bao bọc lấy đầm nước.

Lòng hang Chuông rộng, ở hai bên thành hang có hiện tượng ốc núi (cyolophorus) đã hóa thạch thành lớp dày. Nền hang dốc từ ngoài vào trong, ở cuối hang nền khá bằng phẳng, có một số tảng đá lớn nằm ở cửa hang. Do không có điều kiện khai quật nên chúng tôi chỉ kiểm tra một số chỗ trong hang và thật thú vị đã tìm thấy các công cụ thuộc văn hóa Hòa Bình gồm 1 công cụ kiểu Sumatra – công cụ đặc trưng cho văn hóa này, 2 công cụ mảnh tước và 9 mảnh tước. Hang Chuông không ăn sâu vào trong lòng núi nên thực chất đây là mái đá có diện tích rộng.

Công cụ Sumatra được chế tác từ đá Por – phyzit màu xanh đen, một mặt được ghè 14 nhát tạo nên rìa xung quanh, phần đầu vẫn giữ nguyên vỏ cuội. Mặt sau của công cụ có một nhát ghè. Công cụ này có kích thước: dài 7,4cm, rộng 5,7cm, dày 3,0cm. Công cụ mảnh tước thứ nhất có kích thước dài 5,5cm, rộng 4,8cm, dày 1,7cm được chế tác từ đá Porphyzit màu xanh đen, một mặt ở rìa cạnh được ghè 8 nhát tạo lưỡi, cạnh kia được ghè 2 nhát, một đầu của công cụ cũng có hai nhát ghè. Công cụ mảnh tước thứ hai được làm

từ đá Quaxlite màu đen, một mặt được ghè 8 nhát tạo rìa lưới, phần rìa lưới mỏng còn cạnh kia dài hơn, đầu của công cụ được ghè 2 nhát lớn; kích thước công cụ: dài 6,3cm, rộng 4,9cm, dày 1,8cm.

Phát hiện khảo cổ học quan trọng này đã được thông báo tại hội nghị khảo cổ học toàn quốc năm 2001. Các nhà khảo cổ học Việt Nam đã ghi nhận và hoan nghênh việc phát hiện một di chỉ đầu tiên thuộc văn hóa Hòa Bình trên đất Hà Nam.

Tuy nhiên, để phác họa toàn cảnh về văn hóa Hòa Bình ở Hà Nam thì không thể dừng lại ở những gì đã thu được ở hang Chuông, mà cần phải mở rộng hơn nữa diện điều tra thám sát toàn bộ hệ thống sơn khối đá vôi thuộc 2 huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, thậm chí cả các núi sót Đọi Sơn, Diệp Sơn (huyện Duy Tiên), An Lão (huyện Bình Lục), dải núi đất ở huyện Thanh Liêm và tiến tới khai quật một số di chỉ.

Song cũng có thể bằng những hiểu biết hiện nay về văn hóa Hòa Bình của các nhà khảo cổ học để góp phần soi sáng và liên hệ đôi nét về văn hóa khảo cổ học Hòa Bình ở Hà Nam qua các di chỉ hang Chuông.

Văn hóa Hòa Bình có phạm vi phân bố rộng, từ nam Trung Quốc đến đông Sumatra (Indônêxia) và tồn tại trong một thời gian dài: Từ cuối Pleistocene đến giữa Holocene khoảng 30.000 năm đến 4.000 năm cách ngày nay (theo phân kỳ lịch sử địa chất). Ở Việt Nam số lượng di chỉ văn hóa Hòa Bình tập trung nhiều nhất ở tỉnh Hòa Bình (72 địa điểm), sau đến Thanh Hóa (52 địa điểm). Dải sơn khối đá vôi Hà Nam là vùng đệm, xét về mặt địa lý, địa chất hiển nhiên rất thuận lợi cho người cổ Hòa Bình cư trú.

Cho đến nay các di tích văn hóa Hòa Bình được phát hiện chủ yếu là hang động, mái đá phân bố trong vùng núi đá vôi, di chỉ ngoài trời rất ít.

Những hang động hay mái đá văn hóa Hòa Bình thường cao và rộng, cửa mở về phía thung lũng. Do quá trình Karst đã kết thúc từ lâu nên lòng hang, mái đá khô, thoáng, chính là điểm cư trú lý tưởng của cư dân tiền sử Hòa Bình. Người cổ rất có ý thức trong việc chọn lựa hang động, mái đá phù hợp với điều kiện sinh sống, thường ở độ cao 10 – 20m so với mặt thung lũng.

Thung lũng Karst đặc trưng cho hệ sinh thái phân tạp, thuận tiện cho hoạt động săn bắn và hái lượm theo phổ rộng, tức là tạo nguồn thức ăn đa dạng từ nhiều động vật, thực vật. Trong nguồn thức ăn động vật thì ốc núi, ốc suối chiếm vị trí đáng kể. Lớp ốc núi hóa thạch ở hai bên thành hang Chuông có lẽ đã do người tiền sử sinh sống ở đây tạo nên.

DI TÍCH
LỊCH SỬ VĂN HOÁ

NHỮNG TRỐNG ĐỒNG PHẬT HIỆN TRÊN ĐẤT HÀ NAM

Trống đồng là một di vật độc đáo, là di sản văn hóa tiêu biểu nhất của người Việt cổ thời văn minh Đông Sơn.

Trống đồng được phát hiện trên một miền đai rộng lớn thuộc Châu Á bao gồm nhiều loại khác nhau, xuất hiện và tồn tại trong những thời kỳ lịch sử khác nhau. Việt Nam là một trong những cái nôi của loài người, đồng thời cũng được gọi là quê hương của trống đồng.

Tính đến nay, trên mảnh đất Hà Nam đã phát hiện được 19 chiếc trống đồng cổ. Hà Nam cũng là tỉnh có số lượng trống đồng lớn nhất khu vực đồng bằng Bắc Bộ, trong đó trống đồng Ngọc Lũ có niên đại cổ nhất và đẹp nhất trong toàn quốc.

Theo lời cụ Nguyễn Đăng Lập người xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục thì vào khoảng những năm 1893 - 1894, một số thợ đấu người thôn Ngọc Lũ trong khi đào đất ở bãi bồi đê Trần Thủy, thuộc xã Như Trác, huyện Nam Xang (nay là huyện Lý Nhân) đã phát hiện ở độ sâu 2m một chiếc trống đồng, sau đó đem cúng vào đình làng Ngọc Lũ, cất giấu để khi có đình đám cúng tế thì mang ra đánh. Bảy, tám năm sau một họa sĩ Pháp đến vẽ đình Ngọc Lũ, thấy trống đồng liền báo cho công sứ Hà Nam biết. Nhân có cuộc đấu xảo ngày 15-10-1902 ở Hà Nội, công sứ Hà Nam đã sắc về cho lý dịch làng Ngọc Lũ mang trống đồng và nắp thạp nắp thạp (để ở bên trong lòng trống) góp phần đấu xảo. Năm 1903 do viên công sứ Phủ Lý làm môi giới, Bác Cổ Viễn Đông (Hà Nội) mua chiếc trống này với giá 550 đồng tiền Đông Dương.

Trống có đường kính mặt là 79 cm, cao 63 cm. Theo ý kiến của nhiều học giả trong và ngoài nước thì trống đồng Ngọc Lũ I được coi là một trong những chiếc trống có kích thước to lớn nhất, hình dáng cổ nhất, tập trung hoa văn phong phú. Trống được đúc thế kỷ I X-V trước Công nguyên.

Ngoài chiếc trống đồng Ngọc Lũ I, tại Ngọc Lũ người ta còn phát hiện 2 chiếc trống đồng nữa. Đó là chiếc trống đồng Ngọc Lũ II do Bác Cổ Viễn Đông mua tại làng Ngọc Lũ với giá 600 đồng tiền Đông Dương. Trống còn nguyên vẹn, đường kính 49,5 cm, cao 39 cm. Mặt trống có ngôi sao 12 cánh, tiếp đó là hoa văn đường tròn có tiếp tuyến, bốn con chim mỏ dài bay ngược chiều kim đồng hồ và các hoa văn hình học kết hợp. Cả trống Ngọc Lũ I và Ngọc Lũ II hiện nay được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Năm 1981 người ta phát hiện trong lòng đất Ngọc Lũ lại một chiếc trống đồng loại 1 nữa. Phần mặt và tang bị vỡ nên chiếc trống này chỉ còn cao 37cm nhưng dáng trống vẫn đẹp, tương đồng với 2 chiếc trống đã phát hiện trước đây. Hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh.

Cũng tại huyện Bình Lục, tháng 10 năm 1969, trong khi đào mương cánh đồng Mạc (tên cũ là (Mả Khê), nhân dân thôn Đại Vũ (tên cũ là Vũ Bị) đã phát hiện một trống đồng ở độ sâu 1,4m, nên gọi là trống Vũ Bị. Đây là một loại trống có kích thước lớn, đường kính mặt 72,5cm, cao 60cm. Trống đã bị đục thủng mặt hình ngôi sao ở giữa mặt và vỡ một phần tang. Dáng trống thon, cao hơn trống Ngọc Lũ I và bị rỉ nhiều chỗ. Trang trí hoa văn trên mặt và thân trống khá phong phú, bao gồm 20 con chim mỏ dài nối đuôi nhau, hình 6 chiếc thuyền, trên thuyền có người cầm chèo, hình người hóa trang lông chim... Hiện trống được bảo quản tại kho Bảo tàng tỉnh.

Năm 1985 do những cơn mưa lớn gây sụt lở đất đá ở sườn phía đông nam núi Quế hay còn gọi là núi Nguyệt Hằng thuộc xã An Lão (Bình Lục) đã xuất lộ 1 trống đồng, ở độ sâu 1,5m. Trong trống có 3 chiếc thố đồng đặt lồng vào nhau, nhưng cả ba đều bị vỡ, riêng trống còn khá nguyên vẹn. Trống có đường kính 52,5cm, cao 44 cm, chính giữa có ngôi sao 12 cánh xen kẽ với hoa văn hình học và bốn chim mỏ dài.

Đây là chiếc trống thứ năm đã được phát hiện trên quê hương Bình Lục. Ngoài ra cách đây trên 100 năm, Tổng đốc Nam Định tên là Vũ Văn Báo đã tặng cho nhà thờ La Hữu Khốn thôn Yên Tập, xã Phú Đa, huyện Bình Lục một chiếc trống nữa (theo tạp chí của trường Viễn Đông Bác Cổ (Hà Nội) – nội tập XXXVII năm 1937). Trống có đường kính mặt 65cm, cao 53cm, dáng gần với Ngọc Lũ I. Hoa văn trang trí đẹp, gồm ngôi sao 12 cánh, mặt trống có khắc hình chim đứng mỏ ngắn và 6 con chim mỏ dài đang bay kết hợp với hoa văn hình học. Hiện chưa rõ chiếc trống này ở đâu.

Ngoài huyện Bình Lục thì huyện Duy Tiên cũng là một vùng đất ghi đậm nét dấu vết nền văn hóa Đông Sơn. Tại đây đã phát hiện hàng loạt di chỉ văn hóa như: Mộ thuyền Yên Tử (xã Mộc Bắc), mộ thuyền Đọi Sơn (xã Đọi Sơn), rìu, giáo, thạp, thố... Đặc biệt là trong lòng đất của huyện còn lưu giữ với số lượng trống đồng nhiều nhất so với các huyện trong tỉnh, chiếm 9 trong tổng số 18 chiếc đã tìm thấy ở đất Hà Nam.

Tháng 3 năm 1974, ông Phan Văn Giang làm nghề bán đồng nát ở thôn Ngọc Thụy, xã Duy Minh mua được của nhân dân làm thủy lợi ở huyện Duy Tiên một chiếc trống đã bị vỡ nhiều, chỉ còn một mảnh mặt và một phần tang trống.

Hiện nay trống đang để ở Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Căn cứ vào phần còn lại thì trống cao 46.5 cm, đường kính mặt khoảng 56 cm có ngôi sao 12 cánh, hình chim đứng và 8 hình chim nhỏ mỏ dài đang bay ngược chiều kim đồng hồ.

Cùng năm đó tại thôn Vũ Xá, xã Tiên Yên, người ta đã phát hiện một chiếc trống đồng cổ cao 38.5 cm, đường kính mặt 45 cm, giữa có ngôi sao tám cạnh và tiếp đó có bốn chim mỏ dài đang bay. Trống còn nguyên vẹn, dáng đẹp, hiện đang để ở kho Bảo tàng tỉnh.

Năm 1980 ở thôn Lũng Xuyên, xã Yên Bắc, trong khi đào đất mương đã phát hiện ra một chiếc nữa cùng loại trống này. Trống cao 38 cm, đường kính 44,5 cm có 12 tia mặt trời và bốn con chim mỏ dài đang bay. Trống còn nguyên vẹn, hiện tàng trữ tại Bảo tàng tỉnh.

Cũng tại Lũng Xuyên, năm 1986 đã phát hiện chiếc trống đồng thứ hai, nhưng chiếc trống này vỡ hết mặt, hoa văn bị mờ, đường kính mặt 43,5 cm, cao 57,5 cm, hiện lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh.

Sát cạnh thôn Vũ Xá là thôn Văn Xá. Tại đây cũng phát hiện hai chiếc trống đồng vào năm 1983. Chiếc thứ nhất cao 37,5cm, đường kính mặt 42cm, mặt bị vỡ nhiều chỉ còn 1/2 tang và thân cũng bị vỡ, rỉ nhiều. Mặt trống còn 6 (trong 12 tia), hình chim lạc và thân dài đang bay. Trống để tại xã Yên Bắc.

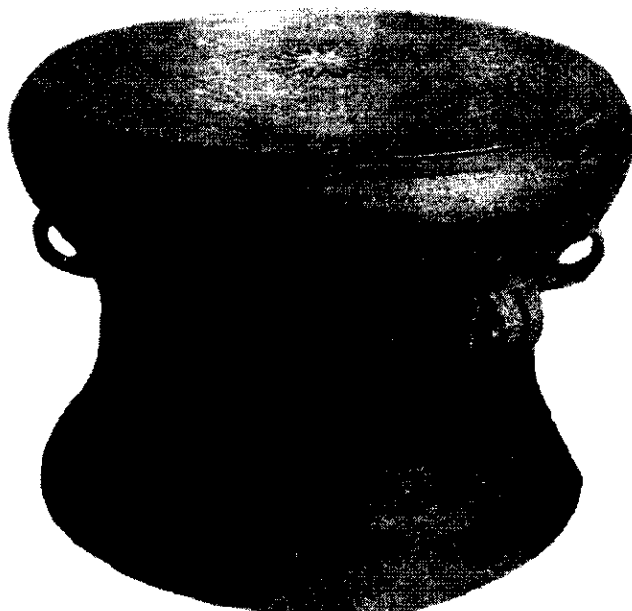
Chiếc thứ 2 cũng được phát hiện ở đoạn mương Đường Treo, Đường Đống ở độ sâu 1m, mặt trống có 14 tia và bốn chim lạc đang bay. Mặt còn nguyên vẹn nhưng phần chân trống bị vỡ nhiều chỗ.

Ngoài chiếc trống trên ra, huyện Duy Tiên còn ba chiếc trống đồng nữa (nếu kể cả trống đồng Văn Xá là bốn). Đó là các trống: Trống Trì, trống Đoàn, (phát hiện ở xã Tiên Nội), trống xí nghiệp gạch Duy Tiên. Trống thôn Trì và thôn Nội còn tốt, riêng trống xí nghiệp gạch thì mặt bị rời khỏi tang trống và lại bị rỉ nhiều nên cần kịp thời có biện pháp bảo vệ chiếc trống này.

Trên địa bàn huyện Kim Bảng cũng phát hiện thấy bốn chiếc trống đồng ở các thời kỳ khác nhau. Đó là các trống: Bút Sơn I, Bút Sơn II, trống Tượng Lĩnh và trống Kim Bảng. Nhìn chung bốn chiếc trống này đều có niên đại muộn hơn, có kích thước nhỏ hơn so với trống đồng Ngọc Lũ, hoa văn không phong phú.

Trống đồng là một di vật được Nhà nước xếp vào loại đặc biệt quý hiếm trong số các di sản văn hóa người xưa để lại. Với 19 chiếc trống đồng được phát hiện đã chứng minh rằng Hà Nam là miền đất cổ, hàng ngàn năm trước đã là nơi tụ cư của dân Lạc Việt.

TRỐNG ĐỒNG NGỌC LŨ I



Chiếc trống này vốn để ở đình làng Ngọc Lũ huyện Bình Lục. Năm 1903 do viên công sứ Phủ Lý môi giới, trống được đưa về nhà Bác cổ Viễn Đông (Hà Nội), hiện nay đang lưu giữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Theo ý kiến của nhiều học giả trong và ngoài nước, trống Ngọc Lũ I được coi là một trong những chiếc trống có kích thước lớn (đường kính mặt trống 79 cm, chiều cao 63 cm), hình dáng cổ kính, hoa văn phong phú.

Trống được tạo dáng cân đối, mặt hơi tràn ra ngoài tang thành đường gờ nổi giữa mặt và tang trống.

Thân trống chia làm ba phần: Phần trên phình ra gọi là tang nổi liền với mặt trống. Phần giữa là thân trống hình trụ, thẳng đứng. Phần chân hơi loe, hình nón cụt. Gắn vào tang và phần giữa thân trống là bốn chiếc quai, chia làm hai cặp ở hai phía, trang trí văn bện thừng.

Hoa văn trống Ngọc Lũ I có hai loại: Một loại là văn hình học; một loại là khắc người, động vật và vật.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 14 cánh. Xen giữa cánh sao là những họa tiết hình tam giác, thể hiện bằng hai đường thẳng bọc lấy một hàng chấm nhỏ giống như hình lông công. So sánh họa tiết này với hình

trang trí xen giữa các cánh sao trên mặt trống Hữu Trung và nhiều trống khác, chúng tôi nhận thấy rất giống với hình lông công và còn gọi là “họa tiết lông công”. Từ trong ra ngoài có tất cả 16 vành hoa văn đồng tâm bao bọc lấy nhau: Các vành 1,5,11, và 16 là những hàng chấm nhỏ. Các vành 2,4,7,9,13 và 14 là những vành tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành ba là những *** gầy khúc nối tiếp, vành 12 và 16 là văn răng cưa mà những đỉnh nhọn của răng quay về hai phía, xen giữa các răng cưa còn có hai hàng chấm nhỏ.

Các vành 6,8 và 10 có hình người và động vật diều hành xung quanh ngôi sao ngược chiều kim đồng hồ. Vành 6 chia làm hai phần bán viên đối xứng và gần giống nhau. Mỗi bán viên lại có thể chia thành 5 nhóm:

Nhóm 1: Từ trái sang phải là một toán 6 hoặc 7 người hóa trang thành hình chim, đầu đội mũ cao có mắt như hình đầu chim. Người thứ nhất ở nhóm 7 người không đội mũ. Họ mặc thứ váy dài có hai vạt tỏa ra hai phía. Những người này có dáng như vừa đi vừa múa, có người cầm tay rìu, có người thổi khèn, có người cầm giáo, mũi giáo quay xuống, cán giáo cũng được trang trí lông chim, còn 3 hay 4 người kia thì vừa đi vừa xòe tay ra làm động tác nhảy múa.

Theo chúng tôi thì đây là nhóm người múa, rất giống với hình người múa trên chiếc rìu đồng được tìm thấy ở Đông Sơn (Thanh Hóa). Hình người múa còn được nhắc lại trên thân trống U Hồng (Lào), trên thân trống Hòa Bình và thân trống thứ 4 mang số hiệu 3759 trong sưu tập trống đồng của Viện bảo tàng Văn Nam (Trung Quốc).

Nhóm 2: Là một chiếc nhà có mái hình vòng cung, hai đầu là hai trụ đứng để chắn phen. Đứng giữa cửa nhà có một người ăn mặc sơ sài, đầu búi tóc, tay cầm vật gì không rõ. Trên hình người đó có một hình vòng tròn chấm giữa. Đó là ngôi nhà có liên quan đến nghi lễ tôn giáo.

Nhóm 3: Tiếp đến là một người quay mặt về phía nhà cầu, đang múa, tóc bõ xõa (người ở bán viên đối xứng thì búi tóc), mặc váy, tay cầm vật gì không rõ. Trên mình người đó là một hình vòng tròn chấm giữa, trên đầu có một con chim đang bay, giống với hình chim ở vành 9. Rồi đến một cặp hai người quay mặt vào nhau, một người tóc xõa, mặc váy, trên mình có vòng tròn chấm giữa, còn người kia thì đóng khố, búi tóc (ở hình bán viên đối xứng thì cả hai cùng búi tóc). Đây là một đôi trai gái cầm chày, đang giã vào một cái cối. Đầu chày có trang trí lông chim.

Nhóm 4: Là một ngôi nhà hình thang, nóc cong như hình thuyền, hai đầu vênh lên giống như hai đầu chim mắt to, hai bên có cột chống đỡ. Nóc nhà có hai con chim đậu, một con giống với hình chim công, một con giống như gà sổng. Mái nhà được trang sức bằng hai đường tua rủ xuống như kiểu

mái nhà tranh xén bằng: Hồi nhà bên trái trang trí những đường xoắn ốc hình tam giác. Đây là ngôi nhà sàn. Ở trên phía dưới và phía giữa sàn có những vạch ngang tựa như những bậc thang phía trong để trèo lên nhà, giống với kiểu thang nhà sàn của đồng bằng dân tộc Tây Nguyên.

Trong nhà có hai người quay mặt vào nhau, tóc xõa hai bên, tay cầm vật gì không rõ, phía bên phải có một người hình như đang leo lên hồi nhà, tay giữ vật gì như hình chiếc trống đồng nằm ngang.

Ở bán viên đối xứng, nóc nhà có một con công đậu, trong nhà có hai người quay mặt vào nhau, tóc bỏ xõa sau lưng, tay cầm vật gì không rõ. Ở phía đầu nhà đều có hình trang trí xoắn ốc. Dưới nền nhà phía bên trái cạnh cột trống có một vật hình trống đồng nằm ngang, bên phải là một người tóc xõa sau lưng, hình như đang gõ trống nhỏ. Hình sàn nhà kiểu này thấy được khắc rất rõ trên mặt trống Quảng Xương (Thanh Hóa), nó được nhắc lại trên trống Hoàng Hạ, sông Đà và sông Khai Hóa (Trung Quốc). Ngôi nhà này có mái nhỏ nhô ra ngoài, gần giống như nhà sàn của người Ba tặc (Buttak ở Xuy matra (Sumatra), vết tích sàn nhà có thể tìm thấy trong các ngôi đình của đồng bào Việt ở vùng đồng bằng Bắc bộ, như Đình Bảng (Bắc Ninh), đình Chu Quyên (Hà Tây).

Nhóm thứ 5: Sát ngay với ngôi nhà trên là một cái sàn cột trống. Đây có lẽ là một bộ phận của nhà, hiện nay nhiều vùng đồng bào dân tộc ít người nước ta, thấy bên ngoài nhà sàn còn có một chiếc sàn nằm phoir ra ngoài trời. Trên sàn có bốn người: Một người búi tóc đứng quay mặt vào góc nhà, còn ba người kia ngồi xõa tóc, quay lưng lại phía nhà. Tất cả đều ăn mặc sơ sài, tay cầm gậy dài chấm sàn. Dưới sàn và ngay dưới mỗi đầu gậy là bốn vật giống hình trống đồng, đặt trên các chân đế ôm lấy một phần thân trống. Phía dưới đế, chiếu thẳng với gậy, có một đường rãnh để chia làm hai mảnh bằng nhau. Khắp mặt và đế trống đều có những hàng chấm nhỏ lấm tấm.

Ở bán viên kia cả bốn người đều quay lưng lại phía nhà, tóc bỏ xõa sau lưng, trang phục đơn giản.

Chúng tôi tán thành ý kiến của Hê gơ xem đó là cảnh đánh trống đồng. Phong tục này còn giữ trong ngày hội của đồng bào Mường ở một số vùng như Mang Sơn và Lai Đồng thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú và Mẫn Đức, tỉnh Hòa Bình.

Vành 8 gồm hai nhóm, mỗi nhóm có 10 con hươu cách nhau bằng hai tốp chim bay, một tốp 6 con và một tốp 8 con. Hươu xen kẽ cứ mỗi con đực đến một con cái. Tất cả hình hươu đều lấy vòng tròn chấm giữa làm mắt, đều có sừng dài, mình dài, cổ và mình có những chấm nhỏ như loại hươu sao.

Chim ở đây là loại chim mỏ to, đầu to, đuôi ngắn, mắt cũng được thể hiện bằng hình vòng tròn đồng tâm chấm giữa.

Vành 10 là hình chim, gồm 36 con. Chim có hai loại xen kẽ nhau: Chim bay và chim đậu, mỗi thứ 18 con. Chim bay mỏ dài có mào, đuôi và chân dài, mình gầy thuộc loại cò sếu hoặc vạc; chim đậu có nhiều loại, nói chung là chim nước. Con thì mỏ ngắn vểnh lên, con thì mỏ dài chúc xuống, con to, con nhỏ, phần đông là chim ngậm mồi, có một con cổ dài như hình chim vịt trời. Chim đậu có đuôi ngắn. Tất cả chim đều lấy hình tròn chấm giữa làm mắt. Một số chim bay còn có từ một đến hai vòng tròn chấm giữa khắc trên thân hoặc cổ.

Những vòng tròn này còn thấy trang sức trên một số hình người và vật.

Ngoài những hình hoa văn trên, ở rìa mặt trống còn có một số vết lõm, đó là dấu vết của các con kê khi đúc trống.

Phần trên cùng tang trống (tiếp giáp với mặt trống) có 6 hình hoa văn hình học, từ trên xuống dưới là: Các vành 1 và 6 gồm những đường chấm nhỏ thẳng hàng. Vành 2 và 5 có văn răng cưa, đỉnh quay về hai phía có những chấm nhỏ xen kẽ. Vành 3 và 4 là hoa văn hình tròn đồng tâm chấm giữa, nối với nhau bằng những tiếp tuyến song song.

Bên dưới đoạn này in hình 6 chiếc thuyền, chuyển động từ trái sang phải, xen giữa các thuyền là những hình chim đứng. Chim có từ hai đến ba con. Có chỗ hai con quay mặt vào nhau, hoặc con nhỏ đứng trên lưng con lớn. Nhìn chung chim này thuộc loại cò, sếu, chân cao, có mào, mỏ dài đuôi ngắn hoặc đuôi dài. Cũng có con mỏ ngắn ngậm mồi, giống chim ở vành 10 trống đồng. Có con mỏ dài và cong, phía giữa mở rộng ra. Có một con mỏ rủ xuống như chiếc vôi tận cùng bằng hình thoi. Đó là hình những con chim ngậm cá được thể hiện cách điệu.

Sáu chiếc thuyền gần giống nhau, đều có hình dáng vòng cung, đầu và đuôi thuyền uốn cong lên và được chạm khắc theo dáng hình đầu chim, đều có hình bánh lái. Phía mũi thuyền lấy hình tròn đồng tâm chấm giữa làm mắt, lại có một vật gì hình chiếc mỏ neo, trừ một thuyền không có hình bánh lái mũi vì hình chim chiếm chỗ. Đầu mũi thuyền trang trí nhiều hình rối rắm, kỳ lạ. Có thể đó là hình một con chim đang bay vào miệng một con chim khác đang há mỏ tượng trưng bằng mũi thuyền. Hình này thấy được nhắc lại lần nữa ở các đầu thuyền trên trống Hoàng Hạ. Số người trên thuyền không nhất thiết giống nhau. Trong số 6 thuyền thì 4 chiếc mỗi chiếc có 7 người, một chiếc có 6 người và một chiếc có 5 người. Căn cứ vào hoạt động của những người trên thuyền, hoặc do họ tiến hành độc lập, hoặc có liên quan đến người khác, chúng tôi tạm chia ra 5 loại công việc để miêu tả:

Thứ nhất, đứng giữa thuyền là người đội mũ lông chim khá cao, một tay cầm dùi gỗ vào chiếc trống nhỏ có hai mặt, dáng như da trống, trống được đặt trên một cây cột trên có cắm lông chim. Hê gơ cho đó là cột cờ. Còn Pác măngchiê và Gôlubép thì đoán là cột buồm. Chúng tôi xem đây là người chỉ huy cầm trống đang điều khiển các thủy thủ.

Thứ hai, phía mũi thuyền có từ một đến hai người, hoặc đứng hoặc ngồi, đầu đội mũ lông chim khá cao, tay cầm vũ khí như giáo hoặc rìu chiến, trên cán giáo hoặc rìu chiến có cắm lông chim. Đó là những thủy binh đánh gần.

Thứ ba, mỗi thuyền đều có một người cầm lái đầu mũ lông chim cao, đóng khố sơ sài, tay lái có trang sức lông chim.

Thứ tư, một người đứng trên sàn bắn cung. Đó là những người mặc váy có vạt tủa hai bên, đầu không đội mũ lông chim mà búi tóc. Đó là những thủy binh đánh xa.

Cuối cùng cảnh người đội mũ lông chim rất cao, đóng khố sơ sài, tay phải nắm đầu người khóa thân ngồi ở sàn thuyền, tay trái cầm chiếc giáo cán có cắm lông chim lao vào đầu người đó. Người khóa thân hai chân duỗi về phía trước, hai tay hoặc bị trói vào những cọc, hoặc quặt về phía sau tựa như bị trói giật cánh khuỷu. Căn cứ vào hình dáng của hai loại người này, một bên là vũ sỹ đứng cao lớn, cầm giáo và có trang phục oai vệ, còn ở bên kia là người bị giết đang lỏa thể, bị trói chặt, dáng người thấp kém của kẻ có tội, chúng tôi cho rằng đây là cảnh “giết người” mà người bị giết có thể là “tù binh” đưa ra làm “vật hy sinh” trong các lễ hiến tế.

Tất cả 6 thuyền đều có cảnh này, tuy nhiên ở một số thuyền hoa văn đã bị róc và mờ, hình người không còn nguyên vẹn, khó nhìn thấy. Căn cứ vào phần còn lại, thì thấy người “đao phủ” có khi tay phải cầm một mũi tên lớn hoặc rìu chiến, tay trái cầm trống, một tay nắm đầu kẻ bị hành quyết, hoặc trên hai thuyền khác chỉ thấy người thuyền trưởng nắm đầu tù binh ngồi trên sàn thuyền mà không thấy người đao phủ đâu cả. Chúng tôi nghĩ rằng đây vẫn là những “tù binh bị hành quyết” trước cuộc hành lễ.

Về mặt trang sức, ta thấy những người chỉ huy cầm lái đánh trống, những thủy binh đánh gần đều đội mũ lông chim rất cao, đóng khố sơ sài. Những người bắn cung thì mặc váy tủa vạt ra hai bên, búi tóc, còn người bị hành quyết thì lỏa thể.

Tuy nhiên thứ tự của những người trên thuyền thì mỗi thuyền đều bố trí khác nhau. Thí dụ về tư thế của những người cầm lái trên các thuyền 1,2,3,4,5 là đứng, còn người cầm lái ở thuyền thứ 6 thì ngồi. Tư thế của người bắn cung các thuyền 1,2,3,5,7 là quay lưng lại mũi thuyền, còn các

thuyền 4 và 6 là người bắn cung nhìn theo hướng mũi thuyền, thủy binh đánh gôn trên các thuyền 1,2,3,4 là cầm rìu, còn 2 thuyền 5,6 thì có 1 người cầm giáo và 1 người cầm rìu. Dưới chân người bắn cung chỗ gôn sàn thì có 4 nơi, mỗi nơi có 1 vật hình trống đồng. Trên 1 thuyền khác vật này tựa như hình bình đồng đào được ở mộ Việt Khê (Hải Phòng), và 1 thuyền khác nữa thì cả hai vật: một trống và 1 hình. Như vậy thì ngay trên trống đồng Ngọc Lũ 1 ra đời vào lúc trống đồng cùng loại có khắc tới 15 hình trống đồng hình 1. Đây là điều lý thú, bởi chứng tỏ rằng trống đồng Ngọc Lũ 1 ra đời vào lúc những trống đồng cùng loại với nó được sử dụng tương đối rộng rãi.

Ngoài ra trên 2 thuyền, khoảng giữa người cầm lái và bắn cung còn thấy mỗi nơi một con chó đứng nghểng mồm lên phía sàn, có dáng như loại chó săn.

Sàn thuyền có những vạch ngắn, có thể xem là tượng trưng cho việc ghép mảnh gỗ ván.

Phần dưới của tang trống là 3 vành hoa văn hình học. Giữa là vành hoa văn vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Hai bên là hai đường chấm nhỏ. Ngoài cùng là hai đường chỉ trơn. Phần giữa của thân trống có những băng hoa văn hình học chạy song song và cắt nhau, tạo thành 6 ô chữ nhật, trong mỗi ô này có hai vũ sỹ cầm rìu. Đóng khung lấy những ô chữ nhật này có các hàng hoa văn hình học sau đây: Trên đầu các vũ sỹ là một băng hoa văn hình học, gồm 8 vành hoa văn, những đường vạch cắt chéo nhau tạo thành những hình tam giác ở giữa hai hàng chấm nhỏ. Dưới chân các vũ sỹ là một băng hoa văn hình học, gồm 6 vành giống như tang trống. Cụ thể: vành 1, vành 6 là những chấm nhỏ; vành 2 và vành 5 là vành răng cưa có chấm ở đỉnh; vành 3 và vành 4 là vành tròn đồng tâm có chấm giữa và có tiếp tuyến. Những băng hoa văn hình học theo chiều thẳng đứng cạnh các vũ sỹ gồm 6 vành hoa văn, vành 1 và 6 là những chấm nhỏ, vành 2 và 5 là những vạch chéo song song, vành 3 và 4 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến.

Về các hình vũ sỹ trong các khung này đều là những người mặc váy có vạt tỏa ra hai bên, đầu đội mũ lông chim, tay trước cầm mộc, tay sau cầm rìu, dáng như vừa đi vừa múa. Tuy nhiên về chi tiết cũng có khác nhau. Về các hình trang sức trên đầu các vũ sỹ, thì trong các ô 1 và 2 cả hai vũ sỹ ngoài hình lông chim còn có hình đầu chim. Còn các ô số 3,4,5,6, thì trong số 2 vũ sỹ ở mỗi ô chỉ có người thứ hai có hình lông chim cắm trên đầu. Về hình mộc thì có cái hình mắt chim (biểu hiện bằng vòng tròn có chấm giữa) trên

đầu, có cái không. Đặc biệt là trên đầu chiếc mộc của người vũ sỹ thứ hai thuộc ô số 3 và số 6, ngoài hình lông chim còn có hình đầu chim.

Về kiểu dáng tay sau cầm rìu chiến của các vũ sỹ thì ở các ô 2,4,5, tương đối giống nhau, ở đây tay các vũ sỹ vuông góc hoặc gần vuông góc với các cán rìu, hướng mũi rìu quay về phía sau không cùng chiều với dáng đi của vũ sỹ. Còn trong hai ô số 1 và số 3 thì khác. Người thứ nhất ở trong hai ô này cầm rìu hơi choãi ra phía sau, tay vũ sỹ và cán rìu không vuông góc mà tạo thành góc nhọn. Còn hai người vũ sỹ thứ hai của ô này thì cầm rìu ngược, nghĩa là cán rìu dựng lên trời, lưỡi rìu quay xuống dưới và ngửa lên. Đó là điều đặc biệt khác hẳn các vũ sỹ khác. Tất cả những rìu của các vũ sỹ đều là những rìu chiến gót tròn và gót vuông, nhưng đa số là rìu gót vuông.

Chân trống không có trang trí.

TRỐNG ĐỒNG DUY TIÊN

Chiếc trống này do ông Phạm Văn Giang ở thôn Ngọc Thụy, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên mua được của dân công làm thủy lợi ở huyện vào tháng 3 năm 1974. Sau đó cán bộ Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đến mua lại. Hiện nay trống được tàng trữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Trống bị vỡ nhiều, chỉ còn một mảnh, tang vỡ gần hết, thân trống cũng bị gãy một đoạn dài. Toàn thân trống bị ô xy hóa nặng, có lớp rỉ đồng màu xanh lục bao phủ.

Trống có dáng thon, cao, phần giữa thân trống hình trụ thẳng đứng và kéo dài, khiến cho chiều cao của phần này lớn hơn nhiều so với chiều cao của tang trống.

Phần còn lại của trống cao 46.5 cm, đường kính chân trống 65 cm. Từ đó có thể đoán ra đường kính của mặt trống là khoảng 56 cm.

Căn cứ vào hình 4 cánh sao còn lại trên mảnh trống thì biết chính giữa mặt trống có hình ngôi sao 12 cánh. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết kiểu lông công đơn giản (tương tự trống Ngọc Lũ II). Từ trong ra ngoài có 8 vành hoa văn và một số đường chỉ trơn, các vành 1,2 và 4 là những vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Phần còn lại của vành 3 có 3 hình chim đứng, mỏ dài, có mỏ. Căn cứ vào phần còn lại của mặt trống có thể đoán rằng vành này có 10 hình chim đứng. Vành 4 còn lại 3 hình chim bay. Tất cả các hình chim đều chuyển động ngược chiều kim đồng hồ. Vành 6 và 8 là vạch thẳng song song, vành 7 là vòng tròn đồng tâm chấm giữa có tiếp tuyến.

Phần trên của tang trống tiếp giáp với mặt trống có một băng hoa văn hình học 3 vành: Vòng tròn đồng tâm chấm giữa và có tiếp tuyến nằm giữa hai vành hoa văn thẳng song song.

Phần giữa thân trống có những băng hoa văn hình học 3 vành (gồm hai vạch chéo song song) bố trí theo chiều thẳng đứng thẳng góc với băng hoa văn ba vành như trên tang trống.

Trống có 4 quai kép trang trí vận thù (đã gãy) thuộc loại trống nhóm B, trang trí đơn giản nhưng phong phú bởi số lượng hình chim rất nhiều gồm 18 con chim đứng, mỏ dài (loại này chỉ thấy xuất hiện trên các trống nhóm A) nên có niên đại tương đối sớm so với trống thuộc nhóm B đã phát hiện ở nước ta.

TRỐNG ĐỒNG VĂN XÁ

Trống thuộc loại I Hê gơ do bà Phạm Thị Chứa – người thôn Văn Xá, xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên, ngày 19/3/1983 trong khi vét bùn trên đoạn mương Đường Treo - Đường Đống phát hiện ở độ sâu 1m.

Trong khi khai quật mặt trống bị vỡ rời, chân trống bị vỡ nhiều chỗ.

Trống có kích thước: Đường kính mặt 42 cm, chiều cao 37.5 cm, đường kính chân 45 cm.

Hiện trạng trống quan sát thấy như sau:

Hoa văn trang trí:

Mặt: còn 6 tia (trong tổng số 12 tia) không vượt đường giới hạn, một vành chim bay gồm 4 con mỏ dài, năm vành hoa văn: lông công đường tròn tiếp tuyến vách song song; không có tượng cóc trên mặt trống.

Tang trống và thân trống có hoa văn răng lược, các đoạn thẳng song song.

Chân trống không có hoa văn.

Trống hình chữ M, trang trí hoa văn vện thừng.

TRỐNG ĐỒNG VŨ BỊ

Ngày 16 tháng 4 năm 1964, đội thủy lợi xã Vũ Bản, huyện Bình Lục trong khi đào đất đắp bờ máng trên cánh đồng Mạc, thuộc Đồng Trê đã phát hiện một trống đồng khá lớn ở độ sâu 0,80 m so với mặt ruộng. Do quá trình đào bới phần chính giữa mặt trống bị vỡ một miếng to (dài 43 cm, rộng 31 cm) làm mất hết hình trang trí của các tia mặt trời, các hoa văn trang trí bên ngoài bị mờ, tang và thân trống bị rạn vỡ nhiều chỗ, quai trống cũng bị gãy một chiếc.

Điều đáng lưu ý là xung quanh khu vực tìm thấy trống, còn phát hiện nhiều mảnh gốm thô màu đỏ nhạt hoặc xám, có trang trí vân chải hoặc vân thừng thuộc thời đại đồng. Tuy ở đây có dấu vết văn hóa nhiều thời đại, song việc phát hiện ra trống đồng cùng với những mảnh gốm nói trên cho thấy mối liên hệ giữa chúng.

Nơi tìm ra chiếc trống đồng thuộc địa phận thôn Vũ Bị nên chúng tôi gọi trống này là trống Vũ Bị.

Trống Vũ Bị đúc bằng khuôn hai mang, đường chỉ khuôn đúc còn để lại rất rõ trên tang và thân trống. Kích thước trống Vũ Bị lớn tương đương với trống Ngọc Lũ, đường kính mặt trống 42 cm, chiều cao trống 60 cm, chỉ số giữa đường kính mặt và chiều cao 1,19. Chỗ phình ra lớn nhất của tang trống rộng 79 cm. Chân đế cao có bốn đôi quai rộng nhất là 12 cm³, đường kính chân đế 76 cm. Bốn đôi quai phân bố đối xứng với nhau, nối liền giữa tang và thân trống. Khoảng cách giữa các đôi quai rộng nhất là 59 cm, mỗi đôi để chứa một khe hở rộng 2 cm² ở mỗi bản của mỗi quai.

Trang trí hoa văn mặt ngoài của trống tuy không đẹp bằng trống Ngọc Lũ, không phức tạp bằng trống Sông Đà, Hoàng Hạ, song cũng rất phong phú.

Trừ phần chính giữa mặt trống không nghiên cứu được, bởi bị thủng nhưng theo sự kể của những người đào được chúng, thì có hình ngôi sao 14 cánh. Phần còn lại tính từ trong ra ngoài gồm 14 vòng hoa văn chia là 5 nhóm.

Nhóm 1 là vòng 1 trang trí hoa văn hình chữ S gãy khúc nằm ngang liền nhau.

Nhóm 2 gồm vòng 2,5,6,11,12 là hình những vòng tròn tiếp tuyến có thêm chấm nhỏ ở giữa; nhóm 3 gồm 3,4,7,9, 14 là những dải chấm nhỏ,

nhóm 4 gồm vòng 10,13 là những vạch thẳng đứng song song; nhóm 5 là vòng 8 (đây là nhóm hoa văn chủ đạo) gồm 1 đàn chim 15 con bay theo ngược chiều kim đồng hồ.

Xen kẽ các vòng hoa văn trên có các gờ nổi của những vòng tròn đồng tâm, chạy vòng quanh rìa mặt trống là 31 lỗ hàn (giống như trống Côi Sơn), khoảng cách từ lỗ nọ đến lỗ kia xa nhất là 7,5 cm, gần nhất là 5 cm.

Tang trống gồm 10 vành hoa văn gờ nổi của những vòng tròn đồng tâm, chia làm 5 nhóm tính từ trên xuống. Nhóm 1 gồm vòng 1,6,8,10 là những giải chấm nhỏ (giống nhóm 3 ở mặt); nhóm 2 gồm vòng 2,5 là những vạch thẳng đứng song song (giống nhóm 5 ở mặt); nhóm 3 gồm vòng 3,4 là những vòng tròn tiếp tuyến có thêm chấm nhỏ ở giữa (giống nhóm 2 ở mặt); nhóm 4 gồm vòng 9 là hình những vắn vòng tròn tiếp tuyến có thêm chấm nhỏ ở giữa; nhóm 5 vòng 7 là nhóm hoa văn chủ đạo trên tang trống, được trang trí bằng hình 6 chiếc thuyền to, mũi cong, hai đường cong của thuyền mở rộng ở khúc thân và thu hẹp dần trên các đường cong của mũi. Bánh lái thuyền giống như những thuyền trang trí trên trống Sông Đà. Rất tiếc là những hoa văn hình thuyền này bị cạo đi nhiều, chỉ còn lờ mờ hình cong của thuyền, hình người hóa trang lông chim đứng trên lái và hình chim đậu xen kẽ giữa các thuyền.

Hoa văn trên thân trống được trang trí chia làm 2 phần. Phần phía trên gồm 6 khung hoa văn hình chữ nhật dựng đứng. Trong mỗi khung có trang trí 4 vạch hoa văn, hai vạch ngoài là những đoạn thẳng nghiêng song song, hai vạch trong là những vòng tròn tiếp tuyến có chấm ở giữa. Xen kẽ giữa các khung hoa văn này là những hình người hóa trang nhưng rất mờ. Phần phía dưới gồm 6 vòng hoa văn, chia làm 3 nhóm: nhóm 1 gồm vòng 1 và 6 là những dải chấm nhỏ (giống nhóm 3 ở mặt và nhóm 1 ở tang); nhóm 2 gồm vòng 2 và 5 là những vạch thẳng đứng song song (giống nhóm 4 ở mặt và nhóm 2 ở tang); nhóm 3 gồm vòng 3 và 4 là những vòng tiếp tuyến có chấm ở giữa (giống nhóm 2 ở mặt và nhóm 3 ở tang). Chân trống không trang trí hoa văn.

Nhìn đại thể, trừ 2 nhóm hoa văn chủ đạo là hình chim và hình thuyền có người hóa trang, trống Vũ Bị chủ yếu trang trí bằng các loại hoa văn chấm dải vòng tròn tiếp tuyến, hoa văn kẻ nổi song song và hoa văn hình chữ S gãy khúc.

Khác với trống Ngọc Lũ và một số trống khác, trống đồng Vũ Bị xác định được một cách chính xác vị trí xuất xứ. Nơi phát hiện là một khu di tích mang dấu vết của nhiều thời đại. Trong đất các bờ mương mới đắp ở khu vực

này có nhiều mảnh gốm thô thuộc thời đại đồng (về cơ bản giống loại gốm Gò Mun, Đồng Đậu), nhiều mảnh sành, sứ thuộc giai đoạn Bắc thuộc và cả sứ thời Lý - Trần sau này. Vì chưa khai quật nên chưa phân biệt tầng lớp một cách chính xác, song việc tồn tại của một tầng lớp địa văn hóa từ thời kỳ đồ đồng ở đây (tuy mỏng) là điều có thể khẳng định được.

Tìm thấy được ở độ sâu 0,8m so với mặt ruộng, mặt trống ở phía dưới lòng đất đầy cát, phù sa non, chung quanh toàn đất không lên một vật gì khác. Điều đó chứng tỏ rằng trống Vũ Bị được đặt trong một vị trí ổn định. Việc tìm được những mảnh gốm thô thuộc thời đại đồng ở đây cùng với trống là điều có thể giúp ta xác định mối liên quan giữa chúng.

So sánh về hình dáng và kích thước, trống đồng Vũ Bị gần giống với trống đồng Ngọc Lũ. Có nhiều khả năng chúng có quan hệ gần gũi nhau. Tuy kích thước có chênh nhau chút ít, hoặc khác nhau một vài chi tiết về bố cục, trang trí, nhưng về hoa văn thì trống Vũ Bị và trống Sông Đà có nhiều nét giống nhau, nhất là những vành hoa văn chủ đạo. Có khả năng niên đại trống Vũ Bị và trống Sông Đà không cách nhau là mấy. Trống Ngọc Lũ I là chiếc trống loại I đẹp nhất và điển hình nhất, trống Sông Đà cũng được xếp vào loại I theo sự phân loại từ trước đến nay. Vậy cũng có thể xếp trống Vũ Bị vào loại đó được.

Nơi đào được trống Vũ Bị gần với nơi đào được trống Ngọc Lũ (Vũ Bị xưa cũng thuộc tổng Ngọc Lũ). Vũ Bị cách Ngọc Lũ 3,8km về phía tây bắc, cách nơi phát hiện trống Côi Sơn 17,8 km về phía nam, cách di chỉ đồ đồng Mai Bộ 10km400 về phía tây nam. Vậy xung quanh khu vực này có thể là một trong những trung tâm văn hóa thời cổ, là nơi sản sinh ra những chiếc trống đồng cổ loại I đẹp nhất. Việc tìm thấy chiếc trống đồng Vũ Bị sẽ giúp cho chúng ta biết thêm về các trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà... nổi tiếng đã phát hiện được trước đây.

Riêng đối với Hà Nam, việc phát hiện ra trống Vũ Bị và những dấu vết văn hóa vật chất khác, đặc biệt là văn hóa vật chất thời đại đồng chung quanh khu vực này, là những dữ liệu rất có giá trị để hiểu biết thêm về quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của tổ tiên chúng ta ở đây. Việc phát hiện ra trống đồng Ngọc Lũ và trống đồng Vũ Bị làm các dấu vết văn hóa vật chất thuộc thời đại đồng ở Hà Nam thu hút thêm sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu. Trong tương lai, nếu được đào thám sát hoặc khai quật, lòng đất của tổng Ngọc Lũ xưa kia chắc chắn còn cung cấp cho chúng ta nhiều hiện vật quý giá nữa.

TRỐNG ĐỒNG VŨ XÁ

Trống được phát hiện ở thôn Vũ Xá, xã Tiên Yên, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam vào năm 1974. Đây là trống loại I Hê gơ, hiện đang được bảo quản tại Bảo tàng Hà Nam.

Trống cao 38,8 cm, đường kính mặt 45 cm, đường kính chân 49,2 cm. Mặt trống không chồm tang, có 7 hình hoa văn, hình chấm nổi, đường thẳng song song chữ S, hình chim lạc bay. U giữa tâm trống không nổi, có dấu vết sử dụng. Ngôi sao mặt trống có tám cánh, cánh đậm, các cánh không vượt đường chỉ giới hạn. Không có khối tượng nào trên mặt trống. Tang trống có hai vành hoa văn hình thẳng song song. Thân trống có 3 vành hoa văn (đường thẳng song song, hình xương cá) không có tượng. Chân trống không có hình hoa văn, có gờ nổi rõ. Tang, thân và chân trống cách nhau bằng đường chỉ nổi.

TRỐNG ĐỒNG NGỌC LŨ II

Trống này do Bác Cổ Viễn Đông mua tại làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục với giá 600 đồng (tiền Đông Dương). Trống còn nguyên vẹn, hiện lưu giữ tại Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Trống có dáng thon, hoa văn chạm nổi, trang trí đơn giản, nhưng trống vẫn cân đối và đẹp. Đường kính mặt là 49,5cm, chiều cao là 39 cm.

Giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí lông công đơn giản. Tất cả có 5 vành hoa văn. Vành 1 và 2 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 có hình 4 con chim mỏ dài, đuôi dài, có mào, bay ngược chiều kim đồng hồ. So với hình chim bay trên mặt trống đồng Ngọc Lũ I thì hình chim bay ở đây đơn giản hơn nhiều. Vành 4 và 5 là những vạch ngắn song song.

Rìa mặt trống còn để lại một số vết lõm – dấu vết của những con kê khi đúc trống. Ở tang và giữa các thân trống chỉ có một số hình hoa văn hình học như vạch thẳng song song và các đường chỉ trơn. Riêng khoảng giữa thân trống là những băng hoa văn gạch chéo song song hình chữ nhật thẳng đứng. Trống có hai quai kép mỏng mảnh, trang trí vụn thừng. Thân trống không có trang trí.

TRỐNG ĐỒNG YÊN TẬP

Trống này cách đây gần 100 năm, ông Vũ Văn Báo – Tổng đốc tỉnh Nam Định tặng cho thôn Yên Tập, để lại nhà thờ La Hữu Khốn xã Phú Đa, huyện Bình Lục.

Chúng tôi không được trực tiếp quan sát chiếc trống này, chỉ dựa vào ghi chép sơ lược trong tạp chí của Bác Cổ Viễn Đông (tập XXXVII, năm 1937) cùng với hai tấm ảnh số 5413 và 5416 của Thư viện khoa học Trung ương mà khảo tả.

Chiếc trống này thuộc cỡ lớn, đường kính mặt 65 cm, cao 53 cm. Tang trống phình to, phần giữa hình trụ tròn, chân trống loe hình nón cụt. Nhìn chung trống có dáng gần giống với trống đồng Ngọc Lũ I, trang trí nổi, hoa văn phong phú.

Chính giữa mặt trống là hình ngôi sao nổi 12 cánh, một số cánh sao và mảng patin trên mặt trống đã bị tróc lở làm mất hoa văn. Xen kẽ các cánh sao là những họa tiết trang trí kiểu lông công đơn giản, giống họa tiết trên mặt trống đồng Ngọc Lũ II. Đếm trên tấm ảnh số 5416 còn thấy được 13 vành hoa văn, các vành 1,5 và 13 là những đường chấm nhỏ. Những vành 2,4,7,10 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Vành 3 là những chữ J gãy khúc. Vành 6 khắc những vành chim đứng, có mỏ ngắn, đuôi ngắn. Hình 8 có những hình chim bay mỏ dài, đuôi ngắn, có mào. Vì tấm ảnh này chỉ chụp được một phần trống nên không nhìn được đầy đủ số hình chim. Căn cứ vào phần còn lại có thể đoán: Vành 6 và 8 hình chim đứng, và vành 8 có 6 hình chim bay.

Phần trên cùng tang trống có một băng hoa văn hình học gồm vạch thẳng song song, vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến. Trống có hai quai kép. Chân trống không trang trí. Nhìn chung trống Yên Tập có kiểu dáng và bố cục trang trí gần gũi và trống Duy Tiên, tuy nhiên về chi tiết có khác nhau chút ít. Đây là những trống có hoa văn trang trí phong phú nhất trong số trống nhóm B đã phát hiện ở nước ta.

TRỐNG ĐÔNG AN LÃO

Những cơn mưa lớn gây sụt lở đất sườn núi đông bắc núi Quế hay còn gọi là núi Nguyệt Hằng thuộc thôn An Lão, xã An Mỹ huyện Bình Lục vào tháng 9/1985 đã xuất lộ ra một chiếc trống đồng thời Đông Sơn.

Trống nằm ngửa, cách mặt đất 1,5m. Trong lòng trống có 3 chiếc thố đồng được đặt lồng vào nhau, trong số đó có hai chiếc trên vành miệng có khối tượng cóc đứng quay đầu ra ngoài. Cả ba chiếc thố đều đã bị vỡ, riêng trống còn khá nguyên vẹn.

Hình dáng trống cân đối và đẹp, chia thành ba phần rõ rệt: Tang phình, thân gôn đứng, chân choãi. Đường kính mặt trống 52.5 cm, cao 44 cm. Chính giữa mặt trống là ngôi sao nổi 12 cánh, xen kẽ các cánh sao là các góc nhọn lồng vào nhau. Từ trong ra ngoài có tất cả 7 vành hoa văn. Các vành 1,2,4 là vòng tròn chấm giữa có tiếp tuyến, vành 3 để trơn, vành 4 có 4 con chim mỏ dài, đuôi dài, có mỏ, bay ngược chiều kim đồng hồ. Vành 6,7 là những đường vạch ngắn song song.

Ở tang trống và mặt trống có một số hình học: vạch ngắn song song và các đường chỉ trơn. Khoảng cách thân trống có 8 cột hoa văn vạch chéo song song. Trống có hai đôi quai kép, quai được trang trí vân thừng tết.

Đây là chiếc trống Đông Sơn thứ 5 được phát hiện trong lòng đất huyện Bình Lục, quê hương của trống đồng Ngọc Lũ nổi tiếng. Trống An Lão có bốn chim, thuộc loại có niên đại vài ba thế kỷ trước Công nguyên.

Việc phát hiện trống đồng An Lão cùng với nhiều trống và các di vật Đông Sơn khác tìm thấy trong tỉnh Hà Nam cho thấy người Đông Sơn đã từ lâu làm chủ vững chắc trên vùng trũng của đồng bằng châu thổ sông Hồng.

BIA SỪNG THIỆP ĐIỆN LINH



Bia được đặt trong nhà bia trên khu đất phía trước Tam bảo chùa Đọi Sơn. Đây là một tấm bia quý có giá trị nhiều mặt. Văn bia được khắc vào năm 1121, đời vua Lý Nhân Tông.

Bia cao 2,5m, rộng 1,6m, dài 0,3m. Mặt trước bia khắc bài văn do Nguyễn Công Bật soạn. Nội dung bài văn phong phú, đặc biệt là miêu tả sự nghiệp dựng nước và giữ nước của Lý Nhân Tông, Lý Thường Kiệt, cũng như đời sống kinh tế, văn hóa của dân tộc ta lúc đương thời. Lời văn bia nhiều sắc vẻ sinh động, hào hùng.

Mặt sau bia khắc bài thơ của vua Lê Thánh Tông làm vào năm Quang Thuận thứ tám (1467) nội dung nói đến việc tu sửa chùa vào thời vua thứ 5 nhà Mạc (1591).

Đặc biệt là đoạn ghi việc Thái Hậu Phù Thánh Linh (tức Ý Lan phu nhân - mẹ đẻ của vua Lý Nhân Tông) đã cúng vào chùa 72 mẫu ruộng làm ruộng đèn nhang vào ngày 6 tháng 7 năm Tân Sửu, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 2 (tức ngày 26 tháng 8 năm 1121).

Đề tài, mô típ trang trí tập trung ở mặt trước của bia, tức là mặt có khắc bài văn bia của Nguyễn Công Bật. Trán diềm và cạnh bia đều lấy hình rồng làm đối tượng để trang trí. Những con rồng có kích thước khác nhau được thể hiện trong những bố cục khác nhau, đều được chú ý tỉ mỉ từ chi tiết đến tổng thể để tạo ra sự thống nhất cũng như đăng đối một cách linh hoạt.

Trán bia là hai con rồng hai bên châu vào giữa, nhưng không phải châu vào hình mặt trời như thường gặp ở những tấm bia khác mà châu vào các chữ Hán “Đại Việt quốc đương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh thập bi”.

Diềm bia cũng là những hình rồng được chạm nối tiếp nhau. Bia có chiều dày 0,30m, hai mặt bia mỗi bên có 9 ô quả trám, trong có chạm hình rồng thời Lý uốn khúc mềm mại ở mỗi ô.

Rồng ở đây là mô típ trang trí được diễn tả nhiều hơn cả, đầy sức sáng tạo và độc đáo. Nó thể hiện đậm đà phong cách nghệ thuật con rồng thời Lý và quan niệm của tín ngưỡng dân gian cầu mong mưa thuận gió hòa (phong đăng hòa cốc) – nhân tố ảnh hưởng đến nền nông nghiệp cổ truyền. Một đặc điểm của hình rồng trên tấm bia này là ngoài sự thống nhất với phong cách rồng thời Lý nói chung thì đã thể hiện sắc thái địa phương. Đôi bàn tay khéo léo của nghệ nhân đục đá xưa đã đưa tạo nên những đường cong của thân hình rồng rất sinh động, linh hoạt và theo một đồ án. Hình rồng được bố trí trong những khuôn hình nhất định như những vòng sáng nhọn đầu, hình ô trám theo nguyên tắc đăng đối và thân rồng là đường nét chính, còn mọi đường nét khác góp phần tô đậm cho hình ảnh đó.

Bệ bia là một khối đá hình chữ nhật dài 2,40m, rộng 1,80m, cao 0,50m không tạc hình còn rùa đội bia như các chân bia khác mà tạc hình hai con rồng uốn khúc. Đây cũng là nét độc đáo của bia Sùng Thiện Diên Linh.

Bệ chia làm hai phần: Phần nằm tiếp xúc với đất hình chữ nhật và phần phía trên chạm khắc thủy ba (sông nước). Sóng có hai lớp, lớp trên cao, lớp dưới thấp. Trên mặt bệ bia chia làm hai nửa tạc hình hai con rồng. Đuôi ở đoạn sau xoắn thành bốn khúc khép kín. Mỗi con rồng có bốn chân. Đầu rồng có bờm nhưng cổ rồng và đầu rồng đã bị vỡ.

Bia Sùng Thiện Diên Linh là tấm bia có kích thước lớn nhất và quý hiếm nhất của thời Lý trên đất Hà Nam còn lại đến nay. Giá trị của tấm bia thể hiện trên hai mặt lịch sử và nghệ thuật.

Dịch nghĩa nội dung văn bia:

BIATHÁP SÙNG THIÊN DIÊN LINH
CỦA VUA THỨ TƯ (NHÀ LÝ) ĐƯƠNG LÀM CHỦ NƯỚC VIỆT⁽¹⁾

Bia tháp báu Sùng Thiên Diên Linh ở chùa Long Đội. Nhà bia, nhà vua viết bằng lối chữ phi bạch⁽²⁾.

Cái diệu thể thi huyền tịch, là một ánh linh quang không ở trong không ở ngoài, nhưng ở ngoài, nhưng lại khởi nguyên ở năm nguyên tố⁽¹⁾; còn cái đại dụng⁽²⁾ thì tràn đầy, là cõi bao la, có hình thù, có thể chất, nhưng lại nằm trong khí thái hư. Nó không có dấu hiệu để suy lường, không có bóng hình để tìm kiếm. Nó bao trùm cả đất trời rộng lớn, đâu khá dò xem; nó hòa đồng cả tinh tú huy hoàng, dễ nào tìm xét. Dù cho then máy của tạo hóa chuyển vận, nó vẫn nhiên nhiên tồn tại; dù có xô đẩy cho sự mau chậm của âm dương vận động, thì cái bi yếu vẫn riêng sâu kín. Đó chẳng phải là huyền tịch hay sao?

Giếng môi dưới trên đã dựng, quy mô nhào nặn đầy nên. Bốn mùa vẫn chuyển mà khí hậu điều hòa; bảy chính chính tề mà tuyên cơ⁽³⁾ vận động. Muôn loại rối bời; các duyên⁽⁴⁾ phiền toái. Chúng sinh từ đó mà có tên; vạn vật nhờ đây mà thỏa tính đó chẳng phải là tràn đầy hay sao?

Như vậy mà muốn phân tích một cách sâu rộng về cái cơ vi mầu nhiệm, muốn truy nguyên đến cái đầu tiên, thâm tóm đến cái cuối cùng, há chẳng khó lắm thay!

Ngẫm như đại hùng của ta, ứng vận thời Trung cổ, hiện linh ở trời tây⁽⁵⁾; Người có trọn ba nghìn uy, ba mươi hai tướng lạ⁽⁶⁾, mười hiệu⁽⁷⁾ đầy đủ; trăm phúc trang nghiêm. Người cứu xét đếm tột cùng cái tinh vi kia, làm sáng rõ cái thuần túy nọ. Người thương cho chúng sinh vì say mê cái “thức”,

⁽¹⁾ Tám bia kể lại việc xây dựng tháp Sùng Thiên Diên Linh vào thời Lý Nhân Tông.

⁽²⁾ Phi Bạch: Một thể chữ trong phép viết.

⁽³⁾ Năm Nguyên tố: Theo nhà Phật đó là đất, nước, lửa, gió và ý thức.

⁽⁴⁾ Đại dụng: Thuật ngữ nhà Phật, chỉ bản chất biểu hiện ra bằng hình tượng.

⁽⁵⁾ Truyền cơ: Dụng cụ xem thiên văn thời xưa. Kinh Thư “Tại truyền cơ ngọc hành xỉ tế thất chính” nghĩa là ở máy truyền cơ ngọc hành để chính tề bảy chính, bảy chính tức là mặt trời, mặt trăng và năm vì sao.

⁽⁶⁾ Các duyên: Thuật ngữ đạo Phật tức là các điều kiện chằng chịt nhau rất phức tạp trong vũ trụ.

⁽⁷⁾ Trời Tây: Tức là nước Thiên Trúc (Ấn Độ) vì nước Ấn Độ ở phía tây nước ta.

⁽⁸⁾ Ba mươi hai tướng lạ: Theo truyền thuyết Phật có 32 tướng lạ, chẳng hạn, tay dài quá gối, ngón tay nhỏ và dài, nét mặt vàng...

⁽⁹⁾ Mười hiệu: Mười danh hiệu của Phật